



HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

TÀI LIỆU

**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHỤ NỮ TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV,
NHIỆM KỲ 2026 - 2031**

HÀ NỘI, THÁNG 6 NĂM 2026

Dự kiến

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHỤ NỮ TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV
Thời gian: Từ ngày 17-18/6/2026
Địa điểm: Trung tâm Hội nghị Quốc gia

Ngày 17/6: Ngày làm việc thứ nhất

Thời gian	Nội dung
Sáng	
6h30-8h00	Đại biểu viếng Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và dâng hương Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ
	PHIÊN THỨ NHẤT
Từ 8h30-9h30	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu
	Bầu Đoàn Chủ tịch Đại hội, Đoàn Thư ký Đại hội, Ban thẩm tra tư cách đại biểu
	Thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội, Quy chế bầu cử
	Báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu
	Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương Hội LHPN Việt Nam khoá XIII
	Thông báo thành lập các Trung tâm thảo luận
9h30-11h30	Đại biểu thảo luận tại 04 Trung tâm (tiến hành đồng thời): - Trung tâm 1: Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động Hội; tích cực tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. - Trung tâm 2: Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam thời đại mới, góp phần phát triển văn hoá và con người Việt Nam. - Trung tâm 3: Vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng nhanh, bền vững của đất nước. - Trung tâm 4: Vun đắp giá trị gia đình Việt Nam “tiền bộ, văn minh, ấm no, hạnh phúc”.

Chiều 17/6	PHIÊN THỨ HAI
14h00 – 16h30	Giới thiệu đại biểu
	Tham luận, thảo luận
	Báo cáo tổng kết việc thực hiện Điều lệ Hội LHPN Việt Nam khóa XIII và tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội.
	Biểu quyết thông qua Điều lệ Hội LHPN Việt Nam (sửa đổi, bổ sung)
	Báo cáo, thông qua Đề án nhân sự và bầu Ban Chấp hành Trung ương Hội LHPN Việt Nam khoá XIV, nhiệm kỳ 2026 - 2031 Biểu quyết thông qua kết quả bầu Ban Chấp hành TW Hội LHPN Việt Nam khoá XIV, nhiệm kỳ 2026 - 2031
16h30-18h00	Hội nghị lần thứ Nhất, Ban Chấp hành Trung ương Hội LHPN Việt Nam khoá XIV, nhiệm kỳ 2026 - 2031

Ngày 18/6: Ngày làm việc thứ hai

Buổi sáng: PHIÊN TRỌNG THỂ

Thời gian	Nội dung
7h30-7h55	Ổn định tổ chức
7h55-8h00	Chào đón các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước
8h00- 11h00	Chương trình nghệ thuật chào mừng Đại hội
	Chào cờ, hát Quốc ca
	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu Báo cáo kết quả ngày làm việc thứ Nhất Mời Đoàn Chủ tịch lên điều hành Đại hội, Đoàn Thư ký lên làm nhiệm vụ.
	Diễn văn khai mạc Đại hội
	Trình bày tóm tắt Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Hội LHPN Việt Nam khoá XIII tại Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2026 - 2031
	Phóng sự “Tự hào dấu ấn nhiệm kỳ”
	Tham luận, thảo luận
	Phát biểu của lãnh đạo Đảng, Nhà nước
	Tiếp thu phát biểu chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước
	- Báo cáo kết quả Hội nghị lần thứ Nhất, Ban Chấp hành TW Hội LHPN Việt Nam khóa XIV, nhiệm kỳ 2026 – 2031. - Ban Chấp hành TW Hội LHPN Việt Nam khóa XIV, nhiệm kỳ 2026 - 2031 ra mắt, nhận nhiệm vụ
	Các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chụp ảnh lưu niệm với Đại hội.

Buổi chiều: PHIÊN BẾ MẠC

Thời gian	Nội dung
14h00-16h00	Giới thiệu đại biểu
	Tham luận, thảo luận
	Chia tay Ban Chấp hành Trung ương Hội LHPN Việt Nam khóa XIII không tái cử
	Báo cáo tổng hợp và tiếp thu ý kiến góp ý Dự thảo văn kiện Đại hội và ý kiến thảo luận tại các Trung tâm
	Biểu quyết chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội (nếu có)
	Thông qua Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2026 - 2031
	Bế mạc Đại hội
	Chào cờ, hát Quốc ca
16h00-17h00	Họp báo về kết quả Đại hội

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2026

(Dự thảo)

**BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ
VIỆT NAM KHÓA XIII TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHỤ NỮ TOÀN QUỐC
LẦN THỨ XIV, NHIỆM KỲ 2026 - 2031**

**Phụ nữ Việt Nam phát huy truyền thống, bản lĩnh, trí tuệ, trách nhiệm;
xây dựng tổ chức Hội vững mạnh; thúc đẩy bình đẳng giới, thực hiện
đại đoàn kết toàn dân tộc, chung sức xây dựng đất nước dân chủ, giàu mạnh,
phồn vinh, văn minh, hạnh phúc**

PHẦN MỞ ĐẦU

Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIV nhiệm kỳ 2026 - 2031 là sự kiện chính trị trọng đại của phụ nữ Việt Nam, diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, chưa có tiền lệ, vượt ngoài khả năng dự báo; hậu quả đại dịch Covid-19, kinh tế thế giới suy giảm và những thay đổi mang tính thời đại; cách mạng công nghiệp lần thứ tư; thiên tai, biến đổi khí hậu; các vấn đề an ninh phi truyền thống... Đất nước sau 40 năm đổi mới đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực, đặc biệt là quá trình sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn, bất cập và điểm nghẽn chưa được tháo gỡ, các xu thế lớn như chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, già hóa dân số, bất bình đẳng giới... đang đặt ra những yêu cầu và thách thức đối với mục tiêu phát triển nhanh và bền vững.

Trong bối cảnh khó khăn, thách thức nhiều hơn cơ hội, thuận lợi, cán bộ, hội viên, phụ nữ cả nước đã đoàn kết thống nhất, chủ động sáng tạo, quyết tâm cao, nỗ lực lớn thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Với phương châm **“Đoàn kết - Bản lĩnh - Nhân ái - Sáng tạo - Phát triển”**, Đại hội có nhiệm vụ đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII giai đoạn 2022 - 2026; kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ (LHPN) Việt Nam khóa XIII; bầu Ban Chấp hành Trung ương Hội LHPN Việt Nam khóa XIV; đề ra phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2026 - 2031 nhằm thúc đẩy phong trào phụ nữ, xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, hoạt động hiệu quả; phấn đấu vì sự phát triển của phụ nữ và bình đẳng giới, góp phần xây dựng đất nước dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ PHONG TRÀO PHỤ NỮ VÀ HOẠT ĐỘNG HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2022 - 2026

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ PHONG TRÀO PHỤ NỮ GIAI ĐOẠN 2022 - 2026

Dưới sự lãnh đạo và quan tâm sâu sắc của Đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, phụ nữ Việt Nam với 50,1% dân số cả nước¹, ngày càng phát huy tiềm năng, thể mạnh, khẳng định vai trò, vị thế trong các lĩnh vực đời sống xã hội. Tham gia tích cực các phong trào thi đua, các cuộc vận động của đất nước, hưởng ứng phong trào thi đua “Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam thời đại mới” do Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII phát động, các tầng lớp phụ nữ đã đoàn kết, sáng tạo, thi đua lao động, sản xuất, thực hiện tốt thiên chức trong gia đình, đóng góp quan trọng trên các lĩnh vực, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

Trong lĩnh vực chính trị, phụ nữ không chỉ khẳng định vai trò lãnh đạo, năng lực tham gia hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách mà còn mang đến góc nhìn nhân văn, thúc đẩy công bằng, tiến bộ và phát triển bền vững. Phụ nữ ngày càng tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Hàng triệu phụ nữ đã tích cực tham gia đóng góp ý kiến vào Dự thảo văn kiện Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội khóa XVI đạt 30%, cao hơn mức trung bình của thế giới và khu vực²; tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và nữ cấp ủy tăng so với nhiệm kỳ trước³. Nhiều phụ nữ giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt chính quyền các địa phương và cơ quan trung ương⁴, lần đầu tiên nước ta có nữ Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nữ Phó Thủ tướng Chính phủ. Đội ngũ nữ công chức, viên chức ngày càng có nhiều đóng góp quan trọng trong xây dựng và phát triển đất nước; nghiêm túc, trách nhiệm thực hiện chủ trương sắp xếp bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp và cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy của toàn hệ thống chính trị.

Trong lĩnh vực kinh tế, chiếm 46,9% lực lượng lao động⁵, tỷ lệ cao trong một số ngành kinh tế⁶, với tỷ lệ 28,2%⁷ nữ giám đốc, chủ doanh nghiệp, hợp tác xã, phụ nữ Việt Nam tiếp tục thể hiện bản lĩnh, nhanh chóng thích ứng với bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, tích cực khởi nghiệp, phát triển kinh tế. *Đội ngũ nữ doanh nhân* có nhiều đóng góp vào nền kinh tế, giải quyết việc làm,

¹ Số liệu Tổng cục Thống kê, 2025.

² Theo số liệu của Liên minh Nghị viện thế giới tại website: <https://data.ipu.org>.

³ Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đạt 30,45%, (tăng 1,45% so với nhiệm kỳ trước); cấp xã đạt 31,48% (tăng 2,5% so với nhiệm kỳ trước); nữ cấp ủy 2 cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030: cấp tỉnh đạt 18,68% (tăng 2,68% so với nhiệm kỳ trước); cấp xã đạt 27,4% (tăng 6,4% so với nhiệm kỳ trước).

⁴ Theo Báo cáo số 48/BC-CP ngày 10/2/2026 của Chính phủ về kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2025: tỷ lệ các bộ, cơ quan ngang bộ thuộc Chính phủ có lãnh đạo chủ chốt là nữ đạt 59,1%; 82,35% cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương cấp tỉnh có lãnh đạo chủ chốt là nữ, số liệu này cấp xã là 43,3%.

⁵ Số liệu thống kê năm 2025.

⁶ Phụ nữ chiếm 75% lực lượng lao động trong ngành dịch vụ, 45-50% trong ngành công nghiệp chế biến; 65% trong khu vực kinh tế phi chính thức. Chiếm 55 - 60% lực lượng lao động trong ngành nông nghiệp.

⁷ Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2024.

đóng vai trò quan trọng thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của phụ nữ. Nhiều chị đã lãnh đạo doanh nghiệp thành công không chỉ trong nước mà còn khẳng định được vị trí trên thị trường quốc tế. *Phụ nữ nông dân* tích cực ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển cây trồng vật nuôi, đóng góp vào ổn định sản xuất nông nghiệp, phát triển các sản phẩm OCOP, từng bước chuyển đổi mô hình sản xuất theo hướng xanh, sạch, bền vững. *Nữ công nhân* hăng say sản xuất, có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật, góp phần nâng cao năng suất lao động, đặc biệt trong các ngành sản xuất chế tạo, điện tử, dệt may.

Trong lĩnh vực giáo dục, khoa học, phụ nữ phát huy trí tuệ, sự kiên trì, bền bỉ, đóng góp quan trọng vào việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, lan tỏa tri thức, nuôi dưỡng nhân cách, tạo nền tảng cho sự phát triển của thế hệ tương lai và tiến bộ xã hội⁸. Nhiều chị đã trở thành nhà khoa học đầu ngành, nhà giáo ưu tú, nhà nghiên cứu xuất sắc. *Phụ nữ trí thức* ngày càng phát triển, tham gia các vị trí quan trọng trong các cơ quan, doanh nghiệp và các tổ chức trong nước và quốc tế; đóng góp tích cực vào việc phát triển các chính sách xã hội, giáo dục, nghiên cứu, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Trong lĩnh vực văn hóa - thể thao - du lịch, đội ngũ nữ văn nghệ sĩ, vận động viên, hướng dẫn viên, nhà quản lý năng động, sáng tạo, truyền cảm hứng, không ngừng nỗ lực, cống hiến, chinh phục đỉnh cao, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam ra thế giới; khẳng định vai trò và vị thế của phụ nữ Việt Nam trong đời sống xã hội hiện đại.

Trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, với tinh thần trách nhiệm, sự tận tâm và lòng nhân ái, đội ngũ nữ y, bác sĩ không quản khó khăn, thực hiện tốt công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân, có nhiều cống hiến cho các thành tựu của y học nước nhà, từ phát triển các phương pháp điều trị mới đến nghiên cứu và giảng dạy, góp phần quan trọng trong việc cải thiện chất lượng cuộc sống Nhân dân.

Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại, phụ nữ lực lượng vũ trang kiên cường, dũng cảm, tích cực tham gia giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ Tổ quốc, đóng góp tích cực trong lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, làm giàu thêm truyền thống anh hùng của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân Việt Nam, lan tỏa hình ảnh đất nước yêu chuộng hòa bình, trách nhiệm và nhân văn⁹. Phụ nữ trong lĩnh vực đối ngoại với bản lĩnh, trí tuệ và sự khéo léo, đảm nhận tốt vai trò trong các hoạt động đàm phán, hợp tác và ngoại giao văn hóa, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế. Phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài có nhiều đóng góp trong gìn giữ, quảng bá bản sắc văn hóa dân tộc, giữ gìn Tiếng Việt, góp phần nâng cao hình ảnh con người và đất nước Việt Nam trên trường quốc tế.

Đóng góp chung trong thành tựu phát triển đất nước, *nữ thanh niên* xung kích tham gia các hoạt động xã hội, tình nguyện và khởi nghiệp, là nguồn lực quan trọng trong thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đặc biệt là lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển

⁸ Phụ nữ chiếm khoảng 40% trong tổng số giảng viên và chuyên gia nghiên cứu khoa học; chiếm 21,5% trong tổng số Giáo sư và Phó Giáo sư.

⁹ Việt Nam là một trong những quốc gia có tỷ lệ nữ tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp quốc cao hơn mức kỳ vọng của Liên Hợp quốc.

đôi số. *Phụ nữ cao tuổi* phát huy vai trò to lớn trong việc trao truyền, giữ gìn và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống, là chỗ dựa vững chắc cho thế hệ con cháu, là nhân tố tích cực trong các phong trào ở khu dân cư. *Phụ nữ dân tộc thiểu số* ngày càng chủ động vươn lên trong cuộc sống, tích cực tham gia các hoạt động phát triển kinh tế, xã hội, là lực lượng quan trọng trong việc bảo tồn văn hóa dân tộc, phát triển du lịch cộng đồng, kinh tế bản địa. *Phụ nữ theo tôn giáo* tích cực tham gia các hoạt động xã hội, các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội, lan tỏa các giá trị tốt đẹp của tôn giáo vào đời sống xã hội. *Nhóm phụ nữ khuyết tật, phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn* luôn nỗ lực vươn lên, khẳng định vai trò của mình thông qua lao động, học tập, tham gia hoạt động cộng đồng, truyền cảm hứng về ý chí và nghị lực.

Có thể khẳng định rằng, phụ nữ Việt Nam đã và đang có những đóng góp quan trọng, toàn diện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; ngày càng phát huy vai trò, vị thế, tích cực tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, đóng góp vào sự tiến bộ và phát triển bền vững của đất nước; là người giữ gìn tổ ấm, nuôi dạy con cái, chăm lo đời sống tinh thần, xây dựng gia đình tiến bộ, văn minh, ấm no, hạnh phúc.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI LHPN CÁC CẤP GIAI ĐOẠN 2022 - 2026

1. Đánh giá việc triển khai Phong trào thi đua “*Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam thời đại mới*” và các khâu đột phá

Phong trào thi đua “*Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam thời đại mới*” được các cấp Hội triển khai rộng khắp, đồng bộ, thống nhất, nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện của cấp ủy, chính quyền, địa phương, đơn vị và nhận được sự hưởng ứng của đông đảo phụ nữ. Trung ương Hội đã tập trung nghiên cứu, đổi mới cách thức triển khai phù hợp với bối cảnh mới, giao quyền chủ động cho các cấp Hội cụ thể hóa các tiêu chí thi đua phù hợp với điều kiện địa phương; gắn kết việc thực hiện phong trào thi đua với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Công tác tuyên truyền được chú trọng, giúp lan tỏa mạnh mẽ phong trào đến mọi tầng lớp phụ nữ. Thông qua hưởng ứng phong trào, cán bộ, hội viên, phụ nữ cả nước chủ động và tích cực rèn luyện bốn tiêu chí “*có tri thức, có đạo đức, có sức khỏe và có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội và đất nước*”, góp phần hoàn thiện bản thân và khơi dậy niềm tự hào, tinh thần trách nhiệm, khát vọng cống hiến. Trong nhiệm kỳ, đã có nhiều tập thể, cá nhân được biểu dương, khen thưởng với những thành tích xuất sắc đóng góp cho cộng đồng, địa phương, đơn vị¹⁰.

Hai khâu đột phá được triển khai với nhiều cách làm sáng tạo, tập trung giải quyết những điểm nghẽn, điểm hạn chế trong công tác Hội, nhất là cấp cơ sở, đạt được những kết quả nổi bật. Thực hiện khâu đột phá “*Tập trung xây dựng cơ sở Hội vững mạnh*”, các cấp Hội tập trung tổ chức các hoạt động nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Hội cơ sở thông qua đào tạo, bồi dưỡng lý luận, kỹ năng và nghiệp vụ, giúp cán bộ chủ động hơn trong triển khai phong trào, nắm bắt tình hình hội viên, phụ nữ và tổ chức các hoạt động; chú trọng đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt

¹⁰ Đã có hơn 207 nghìn điển hình tập thể, cá nhân được tôn vinh, tuyên truyền; gần 198 nghìn lượt tập thể, cá nhân tiêu biểu được các cấp Hội biểu dương, khen thưởng và đề nghị các cấp khen thưởng.

hội viên; phát triển các mô hình tập hợp phụ nữ phù hợp với từng nhóm đối tượng; huy động đa dạng nguồn lực để hỗ trợ cơ sở Hội và chăm lo đời sống cán bộ Hội cơ sở. Với các giải pháp then chốt, việc thực hiện khâu đột phá đã giúp củng cố nền tảng của tổ chức Hội từ cơ sở, bảo đảm cơ sở Hội thực sự là nơi gắn kết, đại diện và hỗ trợ hội viên, phụ nữ; góp phần tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng hoạt động ở cơ sở, tăng sức hút của tổ chức Hội, củng cố niềm tin và sự tham gia của hội viên, phụ nữ, từ đó nâng cao hiệu quả chung của toàn hệ thống Hội. Đối với khâu đột phá “*Đổi mới phương thức hoạt động Hội, trọng tâm là ứng dụng công nghệ thông tin*”, các cấp Hội đã triển khai nhiều giải pháp chuyển đổi số như sử dụng hệ thống phần mềm điều hành tác nghiệp, quản lý văn bản, họp trực tuyến, giúp rút ngắn thời gian xử lý công việc và nâng cao tính minh bạch, kịp thời trong hoạt động quản lý, điều hành và thực hiện công vụ. Trong tổ chức hoạt động, các cấp Hội đẩy mạnh truyền thông, kết nối và tương tác qua các nền tảng số và mạng xã hội, góp phần lan tỏa thông tin nhanh chóng, tiếp cận đa dạng nhóm đối tượng phụ nữ. Bên cạnh đó, Hội tích cực tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ năng số, hỗ trợ hội viên và phụ nữ tiếp cận các dịch vụ công trực tuyến, thương mại điện tử, thanh toán số... Trong quản lý hội viên, Hội phối hợp chặt chẽ với Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06 - Bộ Công an) xây dựng dữ liệu hội viên theo tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống”. Khâu đột phá này giúp hiện đại hóa phương thức quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động của Hội, tạo bước chuyển mạnh từ cách làm truyền thống sang môi trường số, qua đó, tạo chuyển biến rõ rệt về năng lực số của hệ thống Hội và của phụ nữ, nâng cao hiệu quả hoạt động, mở rộng phương thức hỗ trợ và tăng tính thích ứng của tổ chức Hội trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia. Việc thực hiện phong trào thi đua và hai khâu đột phá đã thúc đẩy thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm công tác Hội giai đoạn 2022 - 2026, với nhiều kết quả nổi bật; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước.

2. Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Nhiệm vụ 1: Hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện, xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh

(1) Công tác tuyên truyền, vận động xây dựng người Phụ nữ Việt Nam thời đại mới có nhiều đổi mới về nội dung, phương thức, có sức lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng.

Công tác tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực rèn luyện 4 tiêu chí của phong trào thi đua “*Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới*” được các cấp Hội triển khai đa dạng, sáng tạo, đạt hiệu quả tích cực. Nội dung tuyên truyền được đổi mới theo hướng thiết thực, gần gũi, phù hợp với từng nhóm phụ nữ; tập trung vào các vấn đề thời sự, kỹ năng sống, chuyển đổi số, khởi nghiệp, xây dựng gia đình hạnh phúc, phòng chống bạo lực và tệ nạn xã hội. Phương thức triển khai linh hoạt, kết hợp giữa hình thức truyền thống và ứng dụng công nghệ, mạng xã hội, qua đó tăng tính tương tác, thu hút hội viên tham gia. Phong trào dân vũ do Hội phát động phát triển rộng khắp, trở thành hoạt động văn hóa thường xuyên trong cộng đồng.

Công tác giáo dục truyền thông được duy trì thường xuyên, gắn với các dịp lễ lớn, tạo sức lan tỏa sâu rộng, thu hút đông đảo hội viên, phụ nữ tham gia.

Công tác truyền thông của Hội ngày càng phát triển cả chiều rộng và chiều sâu, đa dạng về phương thức, chú trọng đẩy mạnh truyền thông đa nền tảng, tăng tính tương tác, tiếp cận đa chiều, đa đối tượng. Trung ương Hội chủ động định hướng tuyên truyền, tổ chức các sự kiện quy mô, đa dạng hóa phương thức truyền thông, kết hợp chiến dịch với vận động theo nhóm đối tượng, thu hút đông đảo hội viên, phụ nữ tham gia. Các cấp Hội phát huy hiệu quả truyền thông qua mạng xã hội với phương châm mỗi cán bộ Hội là một “đại sứ”, mỗi hội viên là một tuyên truyền viên; việc thống nhất bộ nhận diện, đăng ký bản quyền, xác thực trang Fanpage góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp, đồng bộ của tổ chức Hội¹¹.

Hoạt động của các cơ quan truyền thông của Hội có nhiều đổi mới. Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam là một trong năm nhà xuất bản trọng điểm và có uy tín¹², có nhiều đóng góp trong xây dựng và phát triển văn hoá đọc và nâng cao nhận thức trong giới trẻ về bình đẳng giới, đặc biệt là thông qua Tủ sách “Phụ nữ từng thư”. Báo Phụ nữ Việt Nam mạnh mẽ chuyển đổi theo mô hình tòa soạn số, phát triển đồng bộ báo in, báo điện tử và sản phẩm báo chí đa phương tiện¹³; tổ chức các sự kiện, chiến dịch truyền thông có sức ảnh hưởng trong xã hội. Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam tiếp tục khẳng định là một điểm đến hấp dẫn và không gian văn hóa lịch sử sống động về truyền thống, vai trò và đóng góp của phụ nữ và tổ chức Hội¹⁴. Chất lượng hoạt động của Cổng Thông tin điện tử của Hội LHPN Việt Nam ngày càng được nâng cao, đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác chỉ đạo, quản lý và thông tin trong hệ thống Hội; Trang Fanpage của tổ chức Hội ngày càng hiệu quả, là kênh thông tin lan tỏa nhanh, là nguồn thông tin chính thống, đáng tin cậy, kịp thời cho đông đảo cán bộ, hội viên, phụ nữ và người dân¹⁵.

Công tác phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng gương điển hình tiên tiến; tôn vinh tài năng nữ thông qua Giải thưởng Kovalevskaia¹⁶, Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam¹⁷, trao học bổng cho nữ sinh xuất sắc được đẩy mạnh, góp phần khích lệ, lan tỏa những đóng góp, công hiến của phụ nữ trên các lĩnh vực.

(2) Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” và công tác hỗ trợ xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh được triển khai sâu rộng, đạt nhiều kết quả

Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” tiếp tục được triển khai thiết thực, gắn với phong trào thi đua “Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam thời đại

¹¹ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Fanpage Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tăng thêm hơn 65.000 lượt theo dõi nâng tổng số người theo dõi trang lên 108.000 người, đăng tải hơn 1.000 bài viết với hơn 2 triệu lượt tương tác; thực hiện 35 livestreams các sự kiện lớn của Hội với hơn 3 triệu lượt tiếp cận.

¹² Xuất bản 7.617 tit sách với trên 20 triệu bản phục vụ hội viên, phụ nữ và bạn đọc rộng rãi.

¹³ Sản xuất trên 100.000 tác phẩm báo chí các loại (tin, bài, clip, podcast, phim tài liệu...); có 3 kênh trên các trang facebook, youtube, tiktok với 150.000 người theo dõi thường xuyên; tiếp cận hơn 3,6 triệu lượt/tháng.

¹⁴ Tổ chức 29 triển lãm chuyên đề, 24 triển lãm trực tuyến, 31 triển lãm lưu động thu hút gần 50.000 lượt khách vùng sâu, vùng xa, 111 sự kiện truyền thông.

¹⁵ Tuyên truyền hơn 12 ngàn tin bài, 20 ngàn tranh, ảnh các loại; 250 video.

¹⁶ Giải thưởng Kovalevskaia giai đoạn 2022-2025 được trao cho 01 tập thể và 07 cá nhân.

¹⁷ Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam từ năm 2022-2025 đã trao cho 14 tập thể, 42 cá nhân tiêu biểu.

mới”, các chương trình, đề án do Hội chủ trì. Hội thí điểm xây dựng gia đình “5 có, 3 sạch”¹⁸ tại địa phương đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; triển khai hiệu quả nhiệm vụ xây dựng giá trị gia đình Việt Nam trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; đăng ký, thực hiện công trình/phần việc tham gia xây dựng nông thôn mới, giúp hộ gia đình đạt 8 tiêu chí¹⁹. Các tiêu chí “3 sạch” được lồng ghép trong các chương trình, đề án, với nhiều mô hình bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, thu hút sự tham gia tích cực của hội viên, phụ nữ, góp phần lan tỏa lối sống xanh, xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh²⁰. Với hiệu quả triển khai cuộc vận động, Hội đã nâng cấp thành cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an*” và được giao chủ trì triển khai trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

Công tác gia đình được triển khai đồng bộ, bám sát định hướng của Đảng, Nhà nước; chú trọng giáo dục kỹ năng tổ chức cuộc sống gia đình, giáo dục tiền hôn nhân, chăm sóc sức khỏe, giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng làm cha mẹ, phòng chống bạo lực; nhiều mô hình hỗ trợ gia đình được duy trì, phát huy hiệu quả²¹.

Đề án của Chính phủ về “*Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017 - 2027*” (Đề án 938) được triển khai hiệu quả. Công tác phòng chống bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới, phòng chống xâm hại và mất an toàn trên không gian mạng đối với phụ nữ, trẻ em... được triển khai có nhiều điểm mới: tận dụng tối đa sức mạnh của báo chí, truyền thông, các nền tảng mạng xã hội, phát huy vai trò của Tổ công tác tham gia giải quyết các vụ việc, điểm nóng liên quan đến phụ nữ, trẻ em và tổ chức Hội; tăng cường phối hợp với các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương; tham vấn chuyên gia, luật sư, kiến nghị các cơ quan chức năng giải quyết²²; Trung tâm Phụ nữ và Phát triển (nay là Trung tâm Hỗ trợ cộng đồng) tổ chức hiệu quả các hoạt động hỗ trợ nạn nhân bạo lực trên cơ sở giới²³. Các hoạt động an sinh xã hội, xóa nhà tạm, nhà dột nát, thực hiện an toàn thực phẩm, an toàn giao thông, hỗ trợ phụ nữ khuyết tật tiếp tục được triển khai với các mô hình thiết thực²⁴.

¹⁸ 5 Có: Có ngôi nhà an toàn; Có sinh kế bền vững; Có sức khỏe; Có kiến thức; Có nếp sống văn hóa. 3 Sạch: Sạch nhà, Sạch bếp, Sạch ngõ.

¹⁹ Đăng ký thực hiện 18 nghìn phần việc tham gia xây dựng nông thôn mới, giúp thêm 604.837 hộ gia đình đạt 8 tiêu chí, hỗ trợ hơn 800 nghìn hộ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh; hơn 1,4 triệu hộ sử dụng nước sạch.

²⁰ 10 ngàn mô hình: “Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn”, “Phụ nữ sống xanh”, “Đường hoa”, “Đường tàu, đường hoa”, “Phụ nữ nói không với túi nilon, sản phẩm nhựa dùng một lần”; “Ngôi nhà xanh thu gom rác thải”, “Nhà sạch, vườn đẹp”, “Tắm lưới xanh”, các mô hình biến rác thải thành con giống, gây quỹ, “Mỗi phụ nữ một cây xanh”, “Mỗi cơ sở Hội một công trình cây xanh”...

²¹ Câu lạc bộ “Gia đình hạnh phúc”, “Phòng, chống bạo lực gia đình”, “Địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh”, “Nhà tạm lánh an toàn cho phụ nữ và trẻ em”, mô hình dịch vụ giúp việc, dịch vụ ăn uống do phụ nữ quản lý.

²² Tiếp nhận 4.238 đơn thư, tại các địa phương, có 1.222 vụ việc liên quan đến bạo lực, xâm hại phụ nữ trẻ em được giải quyết; xây dựng/củng cố 34.565 địa chỉ tin cậy; hỗ trợ, tư vấn cho 1.345 người.

²³ Tổng đài 1900969680 tiếp nhận 11.072 cuộc gọi; thực hiện 6.869 ca tham vấn cho 7.645 người; Ngôi nhà Bình yên (nay là Trung tâm Trợ giúp xã hội - NNBY) hỗ trợ cho 471 nạn nhân bạo lực gia đình và mua bán người.

²⁴ Vận động xây dựng, sửa chữa 15.785 Mái ấm tình thương trị giá gần 656,5 tỷ đồng; hỗ trợ đồng bào bị ảnh hưởng thiên tai và hưởng ứng Ngày vì người nghèo gần 705 tỷ đồng (gồm tiền và quà).

Chương trình “*Mẹ đỡ đầu*” nhận được sự ủng hộ của toàn xã hội, trở thành điểm sáng nhân ái²⁵, không chỉ giúp trẻ em mồ côi vượt qua khó khăn mà còn lan tỏa tinh thần trách nhiệm xã hội, khẳng định vai trò của tổ chức Hội trong chăm lo, bảo vệ quyền lợi của trẻ em. Công tác hỗ trợ cha mẹ nâng cao kiến thức, kỹ năng nuôi dạy con và công tác phối hợp liên ngành bảo đảm quyền lợi trẻ em được các cấp Hội chú trọng đẩy mạnh²⁶.

Chương trình “*Đồng hành cùng phụ nữ biên cương*” giai đoạn 2021 - 2025²⁷ được triển khai hiệu quả với nhiều hoạt động hướng tới chăm lo cho phụ nữ, trẻ em vùng biên giới như cung cấp kiến thức tổ chức cuộc sống gia đình, hỗ trợ mô hình sinh kế bền vững... góp phần cùng các địa phương vùng biên giới hoàn thành các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia.

(3) Hoạt động hỗ trợ nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ tiếp tục được đẩy mạnh, phát huy được tiềm năng của phụ nữ trong phát triển kinh tế

Hoạt động hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo bền vững được triển khai với các giải pháp đồng bộ từ cung cấp kiến thức, kỹ thuật, tín dụng chính sách đến huy động nguồn lực của đối tượng thụ hưởng, lồng ghép trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Đề án của Chính phủ, phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”²⁸; cụ thể hóa bằng các mô hình sinh kế thiết thực, tạo sự lan tỏa và tinh thần tương trợ trong cộng đồng.

Hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp có nhiều đổi mới, huy động sự đồng hành hỗ trợ của các ngành, các cấp, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong xã hội. Đề án của Chính phủ “*Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025*” đã tạo điều kiện, cơ chế cho các cấp Hội trong hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, góp phần lan tỏa tinh thần khởi nghiệp mạnh mẽ, bền bỉ²⁹ của hội viên, phụ nữ. Cuộc thi phụ nữ khởi nghiệp ngày càng chất lượng³⁰. Hệ sinh thái hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp bước đầu hình thành, tạo nền tảng để phụ nữ tiếp cận nguồn lực, nâng cao năng lực, phát triển ý tưởng kinh doanh, tham gia vào các chuỗi giá trị. Đặc biệt, Đề án “*Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026 - 2035*” được Chính phủ phê duyệt tiếp tục thúc đẩy phụ nữ từ phát triển sinh kế bền vững đến làm chủ các doanh nghiệp. Hội/Hiệp hội/Câu lạc bộ nữ doanh nhân đóng vai trò quan trọng thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của phụ nữ, thực hiện tốt hoạt động an sinh xã hội³¹.

Hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tập thể đã khẳng định tinh thần chủ động, tiên phong của tổ chức Hội trong thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Việc triển khai Đề án “*Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030*” góp phần thúc đẩy phát triển

²⁵ Vận động trên 657,3 tỷ đồng, hơn 35 nghìn Mẹ đỡ đầu hỗ trợ 48.021 trẻ mồ côi có hoàn cảnh khó khăn và kết nối 7.890 mẹ đỡ đầu, người chăm sóc thay thế được tập huấn kỹ năng chăm sóc, nuôi dạy trẻ.

²⁶ Xây dựng 3.396 mô hình giáo dục cha mẹ, thu hút hàng chục nghìn cha mẹ, người chăm sóc trẻ tham gia.

²⁷ Với tổng nguồn lực các đơn vị đồng hành huy động là 294 tỷ đồng.

²⁸ Bình quân hằng năm, các cấp Hội vận động, hỗ trợ gần 46,5 nghìn hộ có phụ nữ thoát nghèo, thoát cận nghèo theo tiêu chí đa chiều.

²⁹ 118.000 phụ nữ được hỗ trợ khởi nghiệp.

³⁰ 41.568 ý tưởng dự án khởi nghiệp.

³¹ Đến nay, cả nước có 37 Hội/Hiệp hội doanh nhân nữ cấp quốc gia và tỉnh, thành, 896 câu lạc bộ nữ doanh nhân các cấp với gần 10.000 hội viên.

các tổ hợp tác, hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm, thu nhập ổn định cho lao động nữ³².

Các cấp Hội đã chủ động triển khai hoạt động kết nối phụ nữ với các nguồn vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội³³, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và các dịch vụ tài chính then chốt giúp phụ nữ nghèo và yếu thế³⁴; phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam triển khai hoạt động giáo dục tài chính, vận động thực hiện tiết kiệm, thanh toán không dùng tiền mặt. Hoạt động ủy thác tín dụng được triển khai tại tỉnh, thành thông qua các chương trình, dự án³⁵. Tổ chức tài chính vi mô Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tình thương (TYM) cung cấp nguồn tín dụng ưu đãi, đáp ứng yêu cầu của hội viên, phụ nữ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm tài chính và phi tài chính³⁶.

2.2. Nhiệm vụ 2: Tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, chú trọng giám sát, phản biện xã hội; vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới

(1) Công tác tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được thực hiện thường xuyên, kịp thời, góp phần quan trọng trong việc tạo đồng thuận xã hội

Các cấp Hội chú trọng đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với nhiều hình thức đa dạng, thiết thực, tạo điều kiện để hội viên, phụ nữ tiếp cận thuận lợi như: xây dựng sổ tay giáo dục pháp luật trực tuyến, duy trì chuyên mục pháp luật, đẩy mạnh tuyên truyền trên các nền tảng mạng xã hội; phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan tổ chức hiệu quả các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam... Các hoạt động được triển khai đồng bộ, rộng khắp góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật trong hội viên, phụ nữ.

Các hình thức tư vấn pháp luật dành cho hội viên, phụ nữ như tổ chức hội nghị tư vấn, phiên tòa giả định, đối thoại chính sách ở cấp xã và cụm thôn, bản thu hút sự tham gia đông đảo của cán bộ, hội viên, phụ nữ, người dân trong cộng đồng. Hoạt động được chính quyền địa phương đánh giá cao về hiệu quả và ý nghĩa thực tiễn.

(2) Hoạt động giám sát, phản biện xã hội, đề xuất chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới được nâng cao về chất lượng, thực hiện bài bản và mang lại kết quả thực chất

Nội dung giám sát được chỉ đạo thống nhất, tập trung vào các chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của phụ nữ, đồng thời được triển khai thông qua nhiều hình thức như giám sát chuyên đề, khảo sát thực tế, tổ chức hội nghị, đối thoại trực

³² Các cấp Hội hỗ trợ thành lập 706 Hợp tác xã mới, duy trì hoạt động trên 10.000 tổ hợp tác do phụ nữ tham gia quản lý (đến tháng 12/2025).

³³ Hội LHPN Việt Nam là tổ chức dẫn đầu với 6 điểm nhất: Dư nợ vốn vay cao nhất; tỷ lệ nợ quá hạn thấp nhất; số tổ tiết kiệm và vay vốn nhiều nhất; tỷ lệ thành viên tham gia tiết kiệm cao nhất; số lượng thành viên nhiều nhất; tổ vay vốn và tiết kiệm có chất lượng tốt nhất.

³⁴ Đến 28/2/2026, dư nợ trên 189 nghìn tỷ đồng cho gần 2,8 triệu khách hàng, 159 nghìn tỷ đồng từ Ngân hàng Chính sách xã hội với hơn 2,5 triệu hộ gia đình đang còn dư nợ (chiếm gần 38% tổng dư nợ ủy thác).

³⁵ Tổng dư nợ hơn 1.500 tỷ đồng, dư tiết kiệm hơn 400 tỷ đồng, hơn 138.000 khách hàng vay vốn và tiết kiệm (Số liệu tính đến tháng 7/2025 tại 28/34 tỉnh, thành).

³⁶ Mở rộng hoạt động với 22 chi nhánh, 49 phòng giao dịch với 6.600 cụm điểm giao dịch hoạt động trên 09 tỉnh, thành phố; doanh số cho vay trên 20.000 tỷ đồng, hỗ trợ hơn 541.000 lượt phụ nữ vay vốn.

tiếp và tiếp nhận, tổng hợp ý kiến phản ánh từ hội viên, phụ nữ³⁷. Qua giám sát, các cấp Hội đã kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương nhằm hoàn thiện, điều chỉnh chính sách phù hợp, đồng thời chú trọng theo dõi việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát.

Hoạt động phản biện xã hội, tham gia góp ý đối với các dự thảo chính sách được thực hiện có chất lượng, gắn kết chặt chẽ hoạt động nghiên cứu, tổng hợp góp ý với công tác tuyên truyền chính sách; bảo đảm kết quả nghiên cứu và ý kiến từ thực tiễn được chuyển hóa thành nội dung tuyên truyền dễ hiểu, đồng thời phản hồi kịp thời để góp phần hoàn thiện chính sách. Các chính sách³⁸ do Hội LHPN các cấp đề xuất/phối hợp đề xuất đã tạo cơ chế, nguồn lực triển khai nhiệm vụ, phát huy vai trò của phụ nữ trong các lĩnh vực đời sống, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới³⁹.

Công tác nghiên cứu khoa học được tập trung đẩy mạnh⁴⁰, cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho hoạt động Hội, đặc biệt là hoạt động giám sát, phản biện xã hội. Nội dung nghiên cứu tập trung nâng cao chất lượng cán bộ Hội, đổi mới phương thức hoạt động, bảo đảm an toàn cho phụ nữ, trẻ em và phát huy vai trò phụ nữ trong xây dựng gia đình, phát triển kinh tế. Các hội thảo khoa học tổ chức ngày càng chuyên nghiệp, tạo diễn đàn trao đổi, tham vấn ý kiến chuyên gia cho hoạt động Hội.

(3) Chú trọng thực hiện hiệu quả chức năng đại diện của tổ chức Hội, thực hành dân chủ cơ sở, phát huy quyền làm chủ của phụ nữ.

Hoạt động hỗ trợ phụ nữ thực hành dân chủ cơ sở được triển khai linh hoạt, đổi mới, góp phần tăng cường tiếng nói và sự tham gia của phụ nữ trong xây dựng hệ thống chính trị. Các cấp Hội tổ chức đối thoại với cấp ủy, chính quyền⁴¹; huy động cán bộ, hội viên tham gia góp ý vào dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, sửa đổi một số điều của Hiến pháp và các văn bản pháp luật quan trọng⁴². Trong khuôn khổ Dự án 8⁴³, nhiều cuộc đối thoại chính sách cấp cơ sở được tổ chức, tạo diễn đàn để phụ nữ tham gia ý kiến, nhất là phụ nữ dân tộc thiểu số⁴⁴.

Các cấp Hội tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên, phụ nữ tích cực tham gia đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; phát huy vai trò khi tham gia Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng. Công tác nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị, đề xuất của cán bộ, hội viên, phụ nữ tiếp tục được tăng cường, thông qua các kênh khác nhau.

³⁷ Cấp Trung ương chủ trì giám sát 09 nội dung; Hội LHPN các tỉnh, thành chủ trì giám sát 378 nội dung chính sách.

³⁸ Trung ương Hội chủ trì phản biện xã hội 07 dự thảo Luật; đề xuất thành công 02 Đề án của Chính phủ: Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”, Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026 - 2035”; đề xuất thành công 4 gói chính sách thai sản cho phụ nữ dân tộc thiểu số.

³⁹ Hội LHPN các tỉnh, thành, đơn vị chủ trì phản biện xã hội 235 dự thảo văn bản cùng cấp; đề xuất thành công 105 chính sách/đề án/dự án.

⁴⁰ Tính đến tháng 12/2024, cấp Trung ương đã tổ chức 05 hội thảo khoa học quốc gia và 9 hội thảo, tọa đàm khoa học; thực hiện 29 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp và hàng chục bài nghiên cứu khoa học chuyên đề.

⁴¹ Tổ chức 9.422 cuộc đối thoại với người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, trong đó có cuộc đối thoại của Thủ tướng Chính phủ với phụ nữ.

⁴² Hiến pháp, Luật Đất đai, Luật Bảo hiểm xã hội...

⁴³ “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.

⁴⁴ Tổ chức 3.248 cuộc đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn bản, thu hút 199.685 người tham gia.

(4) Công tác vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới được thực hiện đồng bộ từ trung ương đến cơ sở, thông qua nhiều hình thức hiệu quả

Các hoạt động nâng cao nhận thức, vận động thực hiện bình đẳng giới được triển khai đa dạng, thiết thực thông qua các hội nghị, hội thảo khoa học, sơ kết, tổng kết đánh giá các Luật, Chỉ thị liên quan đến công tác bình đẳng giới⁴⁵. Trung ương Hội tổ chức hội thảo, chia sẻ sáng kiến, nâng cao năng lực, phát hiện và giới thiệu cán bộ nữ, góp phần tăng tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy và cơ quan dân cử. Ở địa phương, các hoạt động truyền thông, hội nghị, hội thảo, xây dựng mô hình được đẩy mạnh, gắn với lồng ghép giới trong các chương trình, kế hoạch phát triển, phối hợp hiệu quả với các cơ quan liên quan trong công tác cán bộ nữ⁴⁶.

Điểm nhấn trong công tác vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới là việc triển khai đồng bộ Tháng hành động quốc gia về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó bạo lực trên cơ sở giới hằng năm từ trung ương đến địa phương, với các hoạt động phong phú, thiết kế phù hợp từng nhóm đối tượng, tạo hiệu ứng lan tỏa, thu hút sự quan tâm và nâng cao trách nhiệm của các bên trong thúc đẩy bình đẳng giới, phòng ngừa, ứng phó bạo lực trên cơ sở giới⁴⁷.

Với vai trò chủ trì Dự án 8, Hội đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ. Dự án góp phần giải quyết các vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ, trẻ em; nâng cao tỷ lệ tiếp cận dịch vụ y tế, giảm bỏ học, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; hạn chế bạo lực, xâm hại, mua bán người, qua đó góp phần cải thiện đời sống và bảo đảm an sinh xã hội cho phụ nữ, trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi⁴⁸.

2.3. Nhiệm vụ 3: Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả; hội nhập quốc tế

(1) Công tác phát triển mạng lưới, thu hút hội viên, thành viên được đầu tư thực hiện bằng nhiều giải pháp phù hợp với thực tiễn.

Thực hiện phương châm “Ở đâu có phụ nữ, ở đó có hoạt động Hội”, các cấp Hội đã đổi mới công tác phát triển hội viên, nhân rộng mô hình hiệu quả, nâng cao chất lượng hoạt động cơ sở. Công tác chỉ đạo triệt để phân cấp theo hướng “*Trung ương định hướng chiến lược, tỉnh vận dụng sáng tạo, huyện đồng hành cơ sở, xã nắm chắc hội viên, chi thấu hiểu phụ nữ*”. Trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương, hoạt động của các cấp Hội đã kịp thời chuyển đổi, thích ứng và duy trì hoạt động bước đầu ổn định, thông suốt.

⁴⁵ Tổ chức tổng kết đánh giá kết quả 15 năm thi hành Luật Bình đẳng giới 2007; kết quả 5 năm thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư; sơ kết 5 năm thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030; tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP của Chính phủ, hội thảo khoa học quốc gia.

⁴⁶ Đã có gần 86 nghìn cán bộ nữ được bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và kỹ năng lồng ghép giới; gần 6 triệu phụ nữ được tập huấn, trang bị kiến thức về bình đẳng giới.

⁴⁷ Trong nhiệm kỳ, các cấp Hội địa phương đã tổ chức trên 15.919 sự kiện/hoạt động truyền thông vận động dưới các hình thức khác nhau, thu hút hơn 1.463.685 cán bộ các cấp, các ngành và người dân tham dự.

⁴⁸ Thành lập, duy trì hơn 10.000 tổ truyền thông cộng đồng với hơn 274.000 thành viên; thành lập, củng cố 2.312 địa chỉ tin cậy hỗ trợ, tư vấn trên 110.000 phụ nữ, trẻ em địa bàn DTTS và miền núi; thành lập, duy trì 2.026 CLB “Thủ lĩnh của sự thay đổi” tuyên truyền cho 121.535 trẻ em; tập huấn nâng cao năng lực hơn 4.000 cán bộ nữ DTTS; tổ chức 1.452 cuộc tập huấn kiến thức về giới và bình đẳng giới cho trên 79.000 người là trưởng thôn/bản/buôn/ấp, người có uy tín tại cộng đồng,

Các cấp Hội đa dạng hóa các loại hình tập hợp phụ nữ theo đặc thù ngành nghề, lứa tuổi, sở thích⁴⁹. Mô hình tập hợp hội viên theo địa bàn dân cư hoạt động nề nếp, ổn định. Mô hình tập hợp phụ nữ trên không gian mạng được thí điểm thực hiện ở cấp trung ương bước đầu đạt một số kết quả⁵⁰; 100% cơ sở Hội triển khai mô hình “1+1”⁵¹ và “3 có, 3 biết”⁵², xây dựng/củng cố ít nhất 01 mô hình thu hút hội viên đặc thù hoạt động sáng tạo, hiệu quả; cơ bản Chi hội trưởng được nhận chế độ khi kiêm nhiệm các công việc có thù lao⁵³.

Đến 31/12/2025, cả nước có 20.140.570 hội viên, tăng 958.335 hội viên so với đầu nhiệm kỳ. Các địa phương có tỷ lệ tập hợp dưới 60% đã tập trung giải pháp thu hút phụ nữ tham gia tổ chức Hội. Trong nhiệm kỳ, các cấp Hội phát triển 62.876 hội viên danh dự là lãnh đạo các cấp, doanh nhân, nghệ sĩ và người có uy tín, góp phần tăng cường nguồn lực, đồng hành cùng hoạt động Hội.

Hoạt động của tổ chức Hội thành viên (Hội Nữ trí thức Việt Nam, Hiệp hội Nữ doanh nhân Việt Nam) thực hiện theo Điều lệ và chủ trương định hướng của Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch. Hai tổ chức đã tích cực ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động; tổ chức các hoạt động xã hội, nhân đạo từ thiện, an sinh xã hội, tham gia thực hiện Chương trình "Mẹ đỡ đầu", "Đồng hành cùng Phụ nữ biên cương"; “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp”.

(2) Bộ máy tổ chức Hội, cán bộ Hội các cấp được kiện toàn và nâng cao năng lực đảm bảo hoạt động theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được triển khai gắn với quy hoạch và vị trí việc làm, từng bước chuẩn hóa đội ngũ cán bộ Hội. Đề án “*Bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ Hội các cấp và chi hội trưởng giai đoạn 2019 - 2025*” (Đề án 1893) tạo cơ chế để các cấp Hội tổ chức nhiều hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ Hội chất lượng, đáp ứng yêu cầu tình hình mới⁵⁴. Học viện Phụ nữ Việt Nam thực hiện tốt nhiệm vụ là cơ sở giáo dục đại học công lập⁵⁵ và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội, cán bộ nữ⁵⁶; nâng cao chất lượng tuyển sinh, mở rộng quy mô và từng bước khẳng định vị thế trong hệ thống giáo dục đại học.

Cơ cấu Ban Chấp hành Hội LHPN các cấp tiếp tục được mở rộng, nâng cao chất lượng hoạt động, với khoảng 20 - 25% thành phần ngành và tiêu biểu, góp phần tăng cường tính đại diện đa lĩnh vực. Mạng lưới nữ lãnh đạo, quản lý được hình thành, thúc đẩy chia sẻ thông tin, hỗ trợ an sinh xã hội và tham gia tư vấn, xử lý các

⁴⁹ Đã có 238.027 mô hình, thu hút 9.817.608 thành viên.

⁵⁰ Nhóm "Phụ nữ Gia Lâm khỏe đẹp mỗi ngày" có 1.509 thành viên; nhóm "Thanh Xuân Cẩm Lệ" có 467 thành viên.

⁵¹ 1 chi hội khá kèm chi hội yếu; 1 hội viên vận động 1 phụ nữ tham gia tổ chức Hội; 1 đảng viên nữ bồi dưỡng, giới thiệu phát triển Đảng 1 chi hội trưởng/tổ trưởng/tổ phó, 1 hội viên nữ cán bộ, công chức, viên chức/Ủy viên BCH; 1 chi hội mạnh kết nghĩa giúp đỡ 1 chi hội yếu hoặc 1 hội viên có điều kiện hỗ trợ 1 hội viên có hoàn cảnh khó khăn. Đã có 10.559 cơ sở có mô hình.

⁵² Có hội viên tiên phong, có hoạt động hàng tháng, có nguồn lực tổ chức hoạt động; biết mặt hội viên, biết hoàn cảnh hội viên và biết nhu cầu hội viên, phụ nữ. Đã có 10.627 cơ sở Hội có mô hình.

⁵³ Tổ trưởng tổ vay vốn, cộng tác viên y tế, cộng tác viên dân số...

⁵⁴ 100% cán bộ chuyên trách và chi hội trưởng hoàn thành lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội.

⁵⁵ Đã triển khai 17 chương trình đào tạo Đại học, 5 chương trình Thạc sĩ và 2 chương trình Tiến sĩ với quy mô gần 8.000 người học.

⁵⁶ Hằng năm tổ chức bồi dưỡng cho từ 3.000 đến 5.000 lượt cán bộ Hội và khoảng 10.000 lao động nữ trên các nền tảng trực tuyến và trực tiếp.

vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích của phụ nữ, trẻ em.

Là nhiệm kỳ có thay đổi căn bản trong tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách, Hội LHPN các cấp đã nghiêm túc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, rõ trách nhiệm, tăng cường phân cấp, hướng về cơ sở; cơ bản ổn định sau sắp xếp. Công tác cán bộ được thực hiện theo vị trí việc làm, chú trọng quy hoạch, cơ cấu, độ tuổi và đào tạo cán bộ nguồn⁵⁷.

Lần đầu tiên, Ủy ban Kiểm tra được thành lập đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, tạo bước chuyển trong công tác kiểm tra, giám sát. Hoạt động được triển khai nghiêm túc, đúng quy định, trong nhiệm kỳ tập trung kiểm tra việc thực hiện Điều lệ, Nghị quyết, quản lý tài chính, công tác tổ chức, cán bộ⁵⁸; kịp thời tháo gỡ khó khăn ở cơ sở. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và thi hành kỷ luật được thực hiện chặt chẽ, bảo đảm khách quan, đúng thẩm quyền⁵⁹.

(3) Chú trọng xây dựng văn hóa tổ chức, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành bộ máy, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động Hội; đổi mới công tác khen thưởng trong hệ thống Hội.

Các cấp Hội tập trung truyền thông các giá trị cốt lõi của tổ chức “Đoàn kết, nhân văn, sáng tạo, khát vọng, phát triển” đến cán bộ, hội viên, phụ nữ. Đây cũng là nhiệm kỳ đầu tiên xây dựng Sổ tay Văn hóa tổ chức Hội LHPN Việt Nam nhằm góp phần xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp trong hệ thống Hội các cấp.

Xác định chuyển đổi số là giải pháp trọng tâm, toàn hệ thống Hội từ Trung ương đến cơ sở tập trung triển khai chủ đề năm “*Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động Hội*”⁶⁰; phối hợp với C06 - Bộ Công an kết nối dữ liệu cán bộ, hội viên vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, khai thác nền tảng số⁶¹, tập huấn, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, hội viên, phụ nữ.

Công tác khen thưởng được đổi mới theo hướng tăng tính chủ động cho các cấp Hội; mở rộng đối tượng khen thưởng, hướng về cơ sở; đa dạng hình thức biểu dương, khen thưởng (định kỳ, chuyên đề, đột xuất). Đề xuất thành công và trao Giải thưởng Nguyễn Thị Định lần thứ Nhất cho các cán bộ Hội xuất sắc⁶².

(4) Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế của Hội được thực hiện toàn diện trên các lĩnh vực, qua đó nâng cao vị thế, mở rộng ảnh hưởng của tổ chức Hội.

Nghị quyết 18/NQ-BCH của Ban Chấp hành Trung ương Hội LHPN Việt

⁵⁷ Lần đầu tiên thực hiện biệt phái 02 cán bộ Trung ương Hội về công tác tại Hội LHPN tỉnh; 42 Chủ tịch, 17 Phó Chủ tịch Hội LHPN cấp tỉnh được điều động, luân chuyển giữ chức vụ chủ chốt cơ quan Đảng, chính quyền hoặc đứng đầu cấp ủy cấp dưới trực tiếp.

⁵⁸ 27.684 cuộc kiểm tra định kỳ, 12.519 kiểm tra chuyên đề và 463 giám sát chuyên đề.

⁵⁹ Ủy ban Kiểm tra các cấp đã thụ lý và trực tiếp giải quyết 831 đơn.

⁶⁰ Tổ chức Chuỗi sự kiện “Ngày hội Phụ nữ trên hành trình chuyển đổi số”, Cuộc thi “Ứng dụng công nghệ thông tin trong sinh hoạt Hội”, Hội thảo Quốc gia “Chuyển đổi số trong hoạt động của Hội LHPN Việt Nam”.

⁶¹ 100% cơ sở Hội ứng dụng phần mềm; 100% cán bộ Hội các cấp sử dụng thành thạo các phần mềm trong hệ thống Hội; 82.605 Chi hội (92,9%) sử dụng mạng xã hội trong các hoạt động Hội. Hơn 98% cơ sở Hội đã được trang bị máy tính riêng có kết nối mạng; cả nước có 13.723 Fanpage của Hội LHPN cấp địa phương (đến tháng 12/2025).

⁶² Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội đã tặng: Bằng khen cho 7.464 tập thể, 4.886 cá nhân; Kỷ niệm chương cho 19.076 cá nhân; Giải thưởng Nguyễn Thị Định cho 30 cán bộ Hội chuyên trách. Có 293 Chủ tịch Hội Phụ nữ cấp cơ sở và 102 Chủ tịch Hội LHPN cấp huyện được biểu dương cấp toàn quốc.

Nam về hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế đến năm 2030 được các cấp Hội triển khai sáng tạo, hiệu quả. Hội chủ động tham gia, đề xuất sáng kiến trong hoạt động đối ngoại, đồng thời đẩy mạnh hợp tác song phương với nhiều hình thức đa dạng, góp phần làm sâu sắc quan hệ và tăng cường kết nối với các đối tác phụ nữ, nhất là các nước láng giềng⁶³.

Các cấp Hội đẩy mạnh giao lưu, hợp tác quốc tế, củng cố quan hệ với đối tác truyền thống, đồng thời mở rộng, phát triển đối tác mới, nhất là với các nước phát triển và có kinh nghiệm về bình đẳng giới⁶⁴. Hội phát huy vai trò thành viên tích cực trong các tổ chức quốc tế⁶⁵, tăng cường hợp tác với Liên hợp quốc và đối tác quốc tế, chủ động tham gia các vấn đề mới như STEM, phát triển bền vững, hòa bình và an ninh.

Công tác phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài được quan tâm, tăng cường kết nối, vận động giữ gìn bản sắc văn hóa, hướng về quê hương. Phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài tích cực tham gia phong trào, sự kiện của Hội. Một số địa phương đẩy mạnh hỗ trợ phụ nữ di cư, kết hôn quốc tế, kết nối cộng đồng phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài.

Công tác thông tin đối ngoại ngày càng được đầu tư, đa dạng hoá nội dung và hình thức. Công tác vận động nguồn lực đạt kết quả tích cực⁶⁶, góp phần nâng cao quyền năng cho phụ nữ, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, thúc đẩy tăng trưởng xanh, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Ưu điểm và kết quả đạt được

Nhiệm kỳ qua, dưới sự lãnh đạo và quan tâm sâu sắc của Đảng, sự phối hợp của Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc, các bộ, ban ngành, chính quyền các cấp và các tổ chức đoàn thể, phong trào phụ nữ và hoạt động của Hội đã đóng góp thiết thực vào thành tựu chung của đất nước, góp phần thu hẹp khoảng cách giới⁶⁷, thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam.

Phụ nữ Việt Nam ngày càng phát huy tiềm năng, thế mạnh, khẳng định vai trò, vị thế; trình độ, năng lực của phụ nữ được nâng lên, có nhiều đóng góp quan trọng vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Phong trào phụ nữ ngày càng phát triển, lớn mạnh, được Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền địa phương và các ngành, các cấp đánh giá cao.

Việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của tổ chức Hội có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác tuyên truyền có nhiều đổi mới, sáng tạo, có sức lan tỏa tích cực trong

⁶³ Ký 17 thỏa thuận hợp tác với các đối tác quốc tế; 24 tỉnh giáp biên ký kết hợp tác với đối tác của Lào, Campuchia, Trung Quốc.

⁶⁴ Hàn Quốc, Úc, Nhật Bản, Mỹ, một số nước Châu Âu.

⁶⁵ Liên đoàn các tổ chức Phụ nữ ASEAN (ACWO) và Liên đoàn Phụ nữ Dân chủ Quốc tế (WIDF); thực hiện vai trò Quy chế tư vấn trong Hội đồng Kinh tế - xã hội của Liên Hợp quốc (ECOSOC).

⁶⁶ Với hơn 10 triệu đô la Mỹ (thông qua Trung ương Hội).

⁶⁷ Theo Báo cáo khoảng cách giới toàn cầu của Diễn đàn kinh tế thế giới, Việt Nam xếp vị trí 74/148 quốc gia vào năm 2025, tăng 9 bậc so với năm 2022.

cộng đồng. Phong trào thi đua “Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới” được tập trung triển khai, tạo chuyển biến trong nhận thức và hành động của hội viên, phụ nữ; các Chương trình mục tiêu quốc gia, Đề án của Chính phủ, chương trình/đề án của địa phương được các cấp Hội thực hiện có hiệu quả, thiết thực. Công tác gia đình và an sinh xã hội được triển khai toàn diện, góp phần nâng cao đời sống gia đình và khẳng định vai trò chủ thể của phụ nữ. Tổ chức Hội được củng cố, phát triển, mở rộng tính liên hiệp; bộ máy chuyên trách tiếp tục được kiện toàn, tinh gọn, hoạt động hiệu quả, thích ứng linh hoạt trong bối cảnh thay đổi về tổ chức; đa dạng hóa các hình thức thu hút, tập hợp, phát triển hội viên với các mô hình mới, phát triển hội viên danh dự; các hoạt động hướng về cơ sở ngày càng được chú trọng; đội ngũ cán bộ Hội cơ bản đáp ứng yêu cầu về năng lực, có tinh thần trách nhiệm, cống hiến. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, đúng quy định, trách nhiệm, thẩm quyền; bộ máy làm công tác kiểm tra được tăng cường ở tất cả các cấp. Hoạt động hỗ trợ phụ nữ thực hành dân chủ ngày càng được mở rộng; hoạt động giám sát, phản biện xã hội có chất lượng; công tác tham mưu, đề xuất chính sách của các cấp Hội được ghi nhận; hoạt động vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới đã thể hiện vai trò tiên phong, dẫn dắt của tổ chức Hội. Vai trò tham gia quản lý nhà nước của Hội ngày càng được ghi nhận thông qua việc Hội được giao chủ trì triển khai nhiều đề án của Chính phủ và nhiều nội dung trong các Chương trình mục tiêu quốc gia. Hoạt động đối ngoại của Hội diễn ra sôi động với nhiều sự kiện quan trọng, tăng cường vai trò của Hội trong công tác đối ngoại chung của Việt Nam và từng bước khẳng định vị thế của Hội trên trường quốc tế, đóng góp tích cực vào hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước.

Đến nay, sau 4 năm, có 6/8 chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII nhiệm kỳ 2022 - 2027 đề ra đạt và vượt tất cả các nội dung của chỉ tiêu; chỉ còn một số nội dung của 2/8 chỉ tiêu⁶⁸ chưa đạt.

2. Hạn chế, khó khăn

2.1 Đối với tình hình phụ nữ và phong trào phụ nữ, tình trạng bất bình đẳng giới, định kiến giới vẫn tồn tại; bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái vẫn diễn ra, trong đó nhiều vụ việc có tính chất nghiêm trọng; mất cân bằng giới tính khi sinh; gánh nặng công việc chăm sóc không được trả lương vẫn nghiêng về phụ nữ⁶⁹; tỷ lệ phụ nữ giữ các vị trí lãnh đạo, nhất là trong các cơ quan hành pháp còn thấp so với tiềm năng và nguồn lực cán bộ nữ⁷⁰; trong các doanh nghiệp lớn, tỷ lệ nữ lãnh đạo còn khiêm tốn⁷¹. Phụ nữ vẫn chịu bất lợi trong thị trường lao động; vẫn còn khoảng cách thu nhập⁷² và khoảng cách lớn về kỹ năng và cơ hội tiếp cận công nghệ giữa nam và nữ dẫn đến khó tham gia vào các ngành nghề mới. Đời sống của một bộ

⁶⁸ Nội dung phần đầu 100% cơ sở Hội tập hợp được trên 60% phụ nữ có mặt tại địa bàn (Chỉ tiêu 5) và nội dung cấp tỉnh chủ trì giám sát ít nhất 01 chính sách và phản biện ít nhất 02 dự thảo văn bản liên quan đến phụ nữ, trẻ em, gia đình, bình đẳng giới và tổ chức Hội (Chỉ tiêu 7).

⁶⁹ Với lượng thời gian cao gấp 1,8 lần nam giới.

⁷⁰ Tỷ lệ chính quyền địa phương cấp xã và tỷ lệ các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có lãnh đạo chủ chốt là nữ chiếm 46,7%; đặc biệt tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt trong các cơ quan thuộc Chính phủ vẫn ở mức thấp nhất (12,5%). (Theo báo cáo số 102/BC-CP ngày 15/02/2025 của Chính phủ về thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2024).

⁷¹ Tỷ lệ phụ nữ nắm giữ các vị trí lãnh đạo trong các doanh nghiệp lớn chỉ khoảng 15-20%.

⁷² Theo Cục Thống kê (tháng 01/2025), thu nhập bình quân tháng của lao động nam cao gấp 1,34 lần so với lao động nữ (8,7 triệu đồng so với 6,5 triệu đồng).

phận phụ nữ, nhất là phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới vẫn còn nhiều khó khăn. Một bộ phận phụ nữ hạn chế trong tiếp cận công nghệ, chưa nỗ lực vươn lên, còn có hành vi lệch chuẩn, vi phạm pháp luật. Các luồng di cư diễn ra mạnh mẽ đặt ra nhiều thách thức trong đảm bảo quyền và sự an toàn của phụ nữ; vấn đề nhà trẻ, mẫu giáo, nhà ở đối với lao động nữ các khu công nghiệp; một số chính sách an sinh chưa hoàn thiện, nhất là chính sách đặc thù cho phụ nữ. Bên cạnh đó, một số vấn đề xã hội ảnh hưởng đến phụ nữ: tỷ lệ ly hôn có xu hướng tăng; mức sinh giảm; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng khốc liệt, lừa đảo trực tuyến, bạo lực trên không gian mạng...

2.2 Đối với công tác Hội, việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động Hội còn chưa đồng đều; sinh hoạt Hội một số nơi thiếu hấp dẫn, khó thu hút hội viên; thực hiện khâu đột phá chưa đủ mạnh nên kết quả còn hạn chế, một bộ phận cán bộ chưa sát hội viên, phụ nữ. Việc cụ thể hóa triển khai phong trào thi đua ở một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu. Các hoạt động vun đắp giá trị gia đình Việt Nam chưa được tập trung nhiều. Chưa có cơ sở dữ liệu thống nhất, hệ thống hóa và cập nhật thường xuyên về các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, khởi nghiệp và giảm nghèo từ cấp Trung ương đến địa phương nên hạn chế trong theo dõi, đánh giá hiệu quả các chương trình, chính sách hỗ trợ. Còn thiếu giải pháp cụ thể trong tập hợp phụ nữ (nhất là các nhóm phụ nữ đặc thù) tham gia tổ chức Hội. Chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội một số nơi còn chưa sâu, chưa hiệu quả, chưa chủ động; việc phát hiện, lên tiếng trước các vụ việc xâm hại phụ nữ, trẻ em ở một số nơi còn chưa kịp thời. Công tác chuyển đổi số trong cơ quan chuyên trách các cấp Hội và hoạt động hỗ trợ phụ nữ tham gia chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu. Sau sắp xếp tổ chức bộ máy, nguồn lực và điều kiện hoạt động ở cơ sở vẫn còn hạn chế; việc phối hợp, phân cấp theo mô hình hoạt động mới trong một số nội dung chưa thật sự đồng bộ, gây lúng túng trong triển khai nhiệm vụ. Vẫn còn một số nội dung của 02 chỉ tiêu nhiệm kỳ chưa đạt (01 nội dung của Chỉ tiêu 5⁷³ và 02 nội dung của Chỉ tiêu 7⁷⁴).

Về nguyên nhân khách quan: Đội ngũ cán bộ Hội chủ chốt cấp huyện, cơ sở thường xuyên thay đổi nên việc đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ chưa kịp thời; nguồn lực phân bổ cho thực hiện các chương trình/đề án còn hạn hẹp; điều kiện làm việc của nhiều cơ sở còn chưa đáp ứng yêu cầu; thiếu cơ chế tạo nguồn lực tham gia chuyển đổi số. Sau sắp xếp tổ chức bộ máy, số lượng cán bộ chuyên trách từ trung ương tới địa phương đều giảm và kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, nhiều cán bộ Hội ở địa phương chuyển công tác sang ngành khác và ngược lại, phần nào ảnh hưởng tới tiến độ triển khai các nhiệm vụ. Việc chưa hoàn thành chỉ tiêu “Phấn đấu 100% cơ sở Hội tập hợp được trên 60% phụ nữ có mặt tại địa bàn”, do chỉ tiêu này đặt ra cho nhiệm kỳ 5 năm (2022-2027) trong khi kết quả đánh giá là tính trong 4 năm, sớm hơn 1 năm. *Về nguyên nhân chủ quan:* Tính chủ động, sáng tạo, quyết tâm đổi mới và thích ứng với tình hình mới của tổ chức Hội, cán bộ Hội có nơi còn chưa cao; năng lực, trình độ, kinh nghiệm của cán bộ Hội ở một số nơi còn hạn chế; một số cán bộ

⁷³ Phấn đấu 100% cơ sở Hội tập hợp được trên 60% phụ nữ có mặt tại địa bàn: Mới đạt 93,37%.

⁷⁴ Cấp tỉnh chủ trì giám sát ít nhất 01 chính sách và phản biện ít nhất 02 dự thảo văn bản liên quan đến phụ nữ, trẻ em, gia đình, bình đẳng giới và tổ chức Hội: một số Hội LHPN tỉnh, thành không đạt chỉ tiêu được giao.

ngiht và chuyển công tác. Việc chưa hoàn thành chỉ tiêu liên quan tới giám sát, phản biện xã hội, chủ yếu là do nguyên nhân chủ quan, còn thiếu chủ động và thiếu phương pháp, năng lực một số cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu.

3. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất, bám sát chủ trương, định hướng, Nghị quyết của Đảng đề ra các nhiệm vụ và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả; nắm bắt xu hướng và thực tiễn phong trào để xác định vấn đề trọng tâm, ưu tiên và tập trung thực hiện; chủ động xây dựng và phát triển các mô hình hoạt động phù hợp; xác định đúng và rõ các lĩnh vực đột phá để tập trung thực hiện và phải xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của phụ nữ, phù hợp với thực tiễn; lấy phụ nữ làm trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực của đổi mới.

Thứ hai, phát huy tính chủ động, sáng tạo của Hội LHPN các cấp, sát cơ sở, gần phụ nữ; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động gắn kết với nhiệm vụ chính trị địa phương, đơn vị; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động và trong công tác quản lý điều hành; duy trì các mô hình hoạt động hiệu quả, coi trọng làm điểm và nhân rộng; xác định đúng và trúng các khâu đột phá để giải quyết các điểm nghẽn, điểm yếu trong hoạt động Hội; chú trọng công tác sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm để kịp thời bổ sung, điều chỉnh nội dung, cách thức triển khai phù hợp.

Thứ ba, chú trọng công tác tham gia xây dựng chính sách, pháp luật, lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; chủ động tham mưu, đề xuất các vấn đề về phụ nữ, trẻ em, công tác gia đình, bình đẳng giới vào các chương trình, đề án của Chính phủ.

Thứ tư, tập trung đầu tư xây dựng đội ngũ cán bộ Hội chuyên nghiệp, có phẩm chất, có bản lĩnh, có năng lực, có kỹ năng vận động quần chúng, có khả năng thích ứng linh hoạt với bối cảnh mới; xây dựng đội ngũ chi hội trưởng, hội viên danh dự, hội viên nòng cốt gắn bó lâu dài và tích cực tham gia hoạt động Hội.

Thứ năm, phát huy vai trò đội ngũ nữ trí thức, nữ doanh nhân, nữ Ủy viên Ban Chấp hành, phụ nữ có uy tín và tầm ảnh hưởng; tăng cường huy động đội ngũ chuyên gia, hội viên danh dự đồng hành cùng tổ chức Hội. Đẩy mạnh phối hợp với các cấp, ngành, các cá nhân, tổ chức nhằm tạo đồng thuận, huy động nguồn lực xã hội để tổ chức hoạt động thiết thực cho hội viên, phụ nữ.

Thứ sáu, bản thân phụ nữ cần rèn luyện sự tự chủ, tự tin, bản lĩnh để làm chủ cuộc sống, đồng thời không ngừng đổi mới tư duy, nuôi dưỡng khát vọng vươn lên, vượt qua khó khăn, khẳng định giá trị bản thân trong gia đình và xã hội.

PHẦN THỨ HAI PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2026 - 2031

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Thế giới biến động nhanh, gia tăng tính bất định và phân mảnh, vừa tạo cơ hội vừa đặt ra thách thức cho phát triển; toàn cầu hóa, hội nhập tiếp tục là xu thế chủ đạo nhưng chịu tác động của cạnh tranh chiến lược, xung đột và biến động địa chính trị. Trong bối cảnh đó, phụ nữ vừa là lực lượng quan trọng của phát triển, vừa

là nhóm dễ bị tác động tiêu cực trước các biến động kinh tế - xã hội.

Sự phát triển đột phá của khoa học, công nghệ, nhất là trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh đang làm thay đổi sâu sắc kinh tế - xã hội và đời sống con người. Sự lan tỏa nhanh chóng của các nền tảng số và mạng xã hội cũng đang tác động sâu sắc đến hành vi xã hội, hệ giá trị, lối sống và các quan hệ cộng đồng. Xu thế này vừa mở ra nhiều cơ hội để hội viên, phụ nữ và tổ chức Hội tham gia sâu hơn vào nền kinh tế số, kinh tế xanh, vừa đặt ra yêu cầu cấp thiết về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là năng lực số, kỹ năng nghề nghiệp, đổi mới sáng tạo và khả năng thích ứng trước những thay đổi nhanh chóng của khoa học và công nghệ.

Bên cạnh cơ hội phát triển, đất nước ta đối mặt nhiều thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, thiên tai cực đoan, dịch bệnh, đứt gãy chuỗi cung ứng, cạnh tranh công nghệ, thông tin sai lệch, nguy cơ bất bình đẳng mới... tác động trực tiếp đến đời sống người dân, nhất là phụ nữ và trẻ em. “Thách thức kép” về giảm sinh và già hóa dân số, cùng với bất bình đẳng giới, bạo lực, xâm hại và rủi ro trên không gian mạng gia tăng, đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với hệ thống chính trị, trong đó có tổ chức Hội và cộng đồng trong thúc đẩy bình đẳng giới, bảo vệ quyền, lợi ích của phụ nữ và trẻ em.

Trong nước, sau gần 40 năm đổi mới, vị thế, tiềm lực và uy tín quốc tế của đất nước tiếp tục được nâng cao, tạo nền tảng phát triển trong kỷ nguyên mới. Đảng ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết chiến lược, nhấn mạnh phát huy vai trò phụ nữ trong xây dựng gia đình và xã hội; Báo cáo Chính trị trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã chỉ rõ *“Chăm lo xây dựng phụ nữ Việt Nam thời đại mới, phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh, trí tuệ và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên của phụ nữ, tích cực xây dựng gia đình Việt Nam tiến bộ, văn minh, ấm no, hạnh phúc”*. Tinh gọn bộ máy và triển khai chính quyền ba cấp đặt ra yêu cầu nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Hội, yêu cầu về đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng thiết thực, hiệu quả, hướng về cơ sở, đáp ứng bối cảnh phát triển mới của đất nước.

II. MỤC TIÊU CHUNG VÀ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu chung

Phát huy truyền thống, tinh thần đổi mới, sáng tạo, làm chủ tri thức, tự tin, hội nhập, khát vọng vươn lên của các tầng lớp phụ nữ; tích cực tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng đội ngũ cán bộ Hội bản lĩnh, tận tâm, sáng tạo, bút phá, tổ chức Hội hoạt động hiệu quả, thích ứng với bối cảnh mới; huy động sự tham gia của toàn xã hội trong thúc đẩy bình đẳng giới, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và phát triển toàn diện cho phụ nữ; phấn đấu đến năm 2030, phụ nữ Việt Nam trở thành một động lực phát triển, một điểm tựa hạnh phúc, Hội LHPN Việt Nam trở thành tổ chức tiên phong hành động vì sự bình đẳng và phát triển của phụ nữ, góp phần xây dựng đất nước dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

2. Chỉ tiêu chủ yếu

(1) Hằng năm, 100% cơ sở Hội tổ chức ít nhất 01 hoạt động tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ cho hội viên, phụ nữ, nhất là chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Phân đầu đến cuối nhiệm kỳ, ít nhất 80% hội viên, 60% phụ nữ đáp ứng yêu cầu năng lực số công dân⁷⁵.

(2) 100% Hội LHPN các cấp triển khai hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”; 100% Hội LHPN cấp cơ sở triển khai phong trào “Mỗi phụ nữ lựa chọn một môn thể thao phù hợp để rèn luyện sức khỏe”.

(3) Hằng năm, mỗi cơ sở Hội vận động, hỗ trợ ít nhất 15 hộ gia đình đạt tiêu chí gia đình “5 không, 3 sạch, 3 an”⁷⁶, phân đầu mỗi năm cả nước giúp được thêm 50.000 hộ gia đình đạt 11 tiêu chí.

(4) Hằng năm, 20.000 hộ có phụ nữ được Hội giúp thoát nghèo, thoát cận nghèo đa chiều; 10.000 phụ nữ khởi nghiệp, chủ doanh nghiệp, chủ hộ kinh doanh, nữ quản lý hợp tác xã, tổ hợp tác được tư vấn pháp lý, nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp; 2.500 hộ kinh doanh do phụ nữ làm chủ được hướng dẫn, hỗ trợ đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp.

(5) Đến cuối nhiệm kỳ, thành lập mới ít nhất 300 hợp tác xã có phụ nữ tham gia quản lý; củng cố chất lượng hoạt động của ít nhất 500 hợp tác xã do các cấp Hội hỗ trợ thành lập.

(6) Phân đầu 100% phụ nữ, trẻ em bị bạo lực, nạn nhân mua bán người trở về được phát hiện được tổ chức Hội hỗ trợ tiếp cận ít nhất 01 dịch vụ hỗ trợ phù hợp/dịch vụ hỗ trợ thiết yếu.

(7) Phối hợp các cơ quan, tổ chức phân đầu trong nhiệm kỳ, xây dựng mỗi tỉnh, thành phố ít nhất 02 mô hình “Nhà an toàn cho phụ nữ và trẻ em” kết nối đường dây nóng 24/7 và mỗi xã, phường 01 mô hình dịch vụ chăm sóc cộng đồng do phụ nữ làm nòng cốt.

(8) Hằng năm, Hội LHPN cấp trung ương, cấp tỉnh chủ trì giám sát ít nhất 01 chính sách, phản biện xã hội ít nhất 01 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật hoặc chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em, gia đình, bình đẳng giới và tổ chức Hội; Hội LHPN cấp xã tham gia giám sát ít nhất 01 chính sách; góp ý ít nhất 02 dự thảo văn bản của cấp ủy, chính quyền. Phân đầu đến cuối nhiệm kỳ, Hội LHPN cấp trung ương đề xuất được ít nhất 02 chính sách; cấp tỉnh đề xuất được ít nhất 01 chính sách có liên quan đến phụ nữ, bình đẳng giới, an sinh xã hội/gia đình.

(9) Hằng năm, mỗi cấp Hội tổ chức hoặc tham mưu tổ chức ít nhất 01 hoạt động đối thoại chính sách/đối thoại xã hội; 100% Hội LHPN các cấp triển khai “Công Mặt trận số” tiếp nhận kiến nghị 24/7; 100% Hội LHPN cấp tỉnh, cấp xã tổ chức “Tháng nghe dân nói”.

⁷⁵ Năng lực số của công dân là khả năng hiểu biết, sử dụng và sáng tạo trong môi trường số một cách an toàn, hiệu quả và có trách nhiệm; giúp mỗi người chủ động học tập, làm việc, tham gia đời sống xã hội và thích ứng với quá trình chuyển đổi số quốc gia.

⁷⁶ 5 không: Không nghèo, không bạo lực, Không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, Không lãng phí, Không có trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học; 3 sạch: Sạch nhà, Sạch bếp, Sạch ngõ; 3 an: An toàn, An tâm, An sinh.

(10) Đến cuối nhiệm kỳ, phấn đấu tăng từ 700.000 đến 800.000 hội viên so với đầu nhiệm kỳ.

(11) Đến cuối nhiệm kỳ, 100% cán bộ Hội chuyên trách các cấp đáp ứng yêu cầu năng lực theo vị trí việc làm, năng lực số và kỹ năng công tác Mặt trận; 90% trở lên chi Hội trưởng được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội.

(12) Trung ương Hội mở rộng quan hệ đối ngoại thêm ít nhất 02 tổ chức phụ nữ hoặc đối tác quốc tế; phối hợp hoặc chủ trì tổ chức ít nhất 01 sự kiện quốc tế lớn tại Việt Nam về phụ nữ hoặc bình đẳng giới.

III. PHONG TRÀO THI ĐUA, CUỘC VẬN ĐỘNG VÀ CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

(1) Phong trào thi đua “Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới”⁷⁷

(2) Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”⁷⁸.

(3) Các khâu đột phá:

- Khâu đột phá 1: Phát huy vai trò của tổ chức Hội trong nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới.

- Khâu đột phá 2: Chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống Hội ; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tập trung hướng mạnh về cơ sở, gần dân, vì dân.

- Khâu đột phá 3: Thúc đẩy phụ nữ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, làm giàu chính đáng.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp cụ thể

1.1. Nhiệm vụ 1: *Hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới; xây dựng gia đình tiến bộ, văn minh, ấm no, hạnh phúc*

Nội dung nhiệm vụ:

(1) Tập trung xây dựng người phụ nữ Việt Nam phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, sức khỏe, năng lực, bản lĩnh, sáng tạo, hội nhập; nâng cao vai trò của phụ nữ trong giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Hỗ trợ, tạo điều kiện để phụ nữ học tập, lao động, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; tham gia quản lý và đóng góp tích cực cho sự phát triển của địa phương, đất nước.

(2) Thực hiện hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về xây dựng gia đình, chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, dân số và phát triển. Đẩy mạnh hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình tiến bộ, văn minh, ấm no, hạnh phúc; giữ gìn và phát huy hệ giá trị gia đình Việt Nam. Tăng cường các giải pháp giáo dục gia đình, phòng ngừa, ngăn chặn bạo lực gia đình, xâm hại phụ nữ và trẻ

⁷⁷ Cụ thể hóa nội dung “Yêu nước, tự chủ, bản lĩnh, nhân ái, khát vọng, trí tuệ, sáng tạo, trách nhiệm, bền vững, hạnh phúc, số, xanh” trong 4 tiêu chí của phong trào thi đua “Có tri thức; Có đạo đức; Có sức khỏe; Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội và đất nước”.

⁷⁸ 5 không: Không nghèo, không bạo lực, Không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, Không lãng phí, Không có trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học; 3 sạch: Sạch nhà, Sạch bếp, Sạch ngõ; 3 an: An toàn, An tâm, An sinh.

em; chăm lo, hỗ trợ nhóm dễ bị tổn thương; phối hợp xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ và trẻ em.

(3) Phát huy vai trò của phụ nữ tham gia quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

Các giải pháp cụ thể:

(1) Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới

- Tích cực thực hiện phong trào thi đua “*Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam thời đại mới*” gắn với đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các phong trào thi đua, cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Chính phủ, địa phương phát động, hướng tới “Mỗi phụ nữ - một bông hoa việc tốt”. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng, hỗ trợ xây dựng người phụ nữ toàn diện⁷⁹ với các tiêu chí cụ thể phù hợp với từng đối tượng, vùng miền.

- Phối hợp đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, vận động, hỗ trợ, tạo điều kiện để cán bộ, hội viên, phụ nữ chủ động, tích cực hưởng ứng phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023 - 2030” và tham gia phát triển văn hoá đọc; kết nối “Chị - Em” để cùng nhau học tập, nâng cao năng lực.

- Tăng cường giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc; tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống nhân các ngày lễ lớn của đất nước, của Hội, trong đó chú trọng dịp kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng và 100 năm thành lập Hội LHPN Việt Nam. Tham gia thực hiện Chương trình MTQG về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035; giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, thực hành nếp sống văn hóa trong gia đình và cộng đồng, hưởng ứng Ngày Văn hóa Việt Nam. Đẩy mạnh các hoạt động tôn vinh giá trị Áo dài Việt Nam, phong trào dân vũ, thể dục, thể thao, văn hóa văn nghệ quần chúng trong hội viên, phụ nữ; hướng đến mỗi phụ nữ lựa chọn một hình thức văn hoá, văn nghệ, thể thao phù hợp để rèn luyện, tạo môi trường và điều kiện để phụ nữ phát triển về thể chất và tâm hồn⁸⁰.

- Kết nối, đồng hành cùng phụ nữ, phát huy vai trò của phụ nữ có tầm ảnh hưởng trên các lĩnh vực, hỗ trợ nhóm phụ nữ đặc thù, dễ bị tổn thương; tiếp tục phát huy hiệu quả Chương trình “Đồng hành cùng Phụ nữ biên cương”. Phát hiện, khích lệ, tôn vinh, nhân rộng điển hình tiên tiến, tiếp tục nâng cao tầm ảnh hưởng của Giải thưởng Kovalevskaia, Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam; nâng cao chất lượng các giải thưởng và hình thức biểu dương, khen thưởng của các cấp Hội.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, đào tạo kỹ năng số, khơi dậy tiềm năng, sức sáng tạo của phụ nữ trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tăng cường vai trò của Hội Nữ trí thức Việt Nam trong tập hợp và phát

⁷⁹ “Yêu nước, tự chủ, bản lĩnh, nhân ái, khát vọng, trí tuệ, sáng tạo, trách nhiệm, bền vững, hạnh phúc, số, xanh”; “Tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang”.

⁸⁰ Thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 9/9/2025 của Bộ Chính trị “Về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam.

huy trí tuệ của đội ngũ nữ trí thức, khuyến khích phụ nữ, trẻ em gái tham gia lĩnh vực STEM⁸¹. Triển khai hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” phù hợp với đối tượng, vùng miền; tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực số hướng tới “mỗi phụ nữ một kỹ năng số cơ bản” và an toàn trên môi trường mạng; thí điểm mô hình “Phụ nữ số”⁸².

- Phát huy vai trò của các đơn vị truyền thông của Trung ương Hội trong các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức của hội viên, phụ nữ, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của tổ chức Hội và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Báo Phụ nữ Việt Nam đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển mô hình tòa soạn hội tụ đa nền tảng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, công nghệ dữ liệu lớn để nâng cao chất lượng, hiệu quả truyền thông. Tiếp tục xây dựng Nhà Xuất bản Phụ nữ Việt Nam trở thành Nhà xuất bản trọng điểm quốc gia, vận hành hiệu quả Trung tâm tri thức số và giáo dục giới dành cho phụ nữ, gia đình và trẻ em.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Học viện Phụ nữ Việt Nam trong đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực nữ và nguồn nhân lực làm công tác bình đẳng giới⁸³.

(2) Hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình tiến bộ, văn minh, ấm no, hạnh phúc; xây dựng môi trường an toàn cho phụ nữ, trẻ em

- Triển khai Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”, giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em, tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới; giữ gìn, phát huy hệ giá trị gia đình Việt Nam, góp phần xây dựng gia đình Việt Nam tiến bộ, văn minh, ấm no, hạnh phúc. Hàng năm, mỗi cơ sở Hội đăng ký và thực hiện ít nhất 01 công trình/phần việc tham gia xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án 938⁸⁴ và đề xuất cho giai đoạn tiếp theo.

- Hỗ trợ phụ nữ và thành viên gia đình nâng cao ý thức trách nhiệm trong vun đắp hạnh phúc gia đình; vận động thực hiện chính sách duy trì mức sinh thay thế và nâng cao chất lượng dân số⁸⁵, thích ứng già hóa dân số; trang bị kỹ năng số cho các thành viên gia đình... góp phần xây dựng “mỗi gia đình - một địa chỉ hạnh phúc”.

- Phát huy vai trò của phụ nữ và thành viên gia đình trong việc chia sẻ trách nhiệm, phòng ngừa, lên tiếng các hành vi bạo lực, vi phạm đạo đức. Phát triển, nhân rộng các mô hình hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình⁸⁶, kết nối với hệ thống đường dây nóng, trung tâm công tác xã hội, cơ sở y tế, trung tâm trợ giúp pháp lý. Phối hợp các cơ quan, tổ chức phấn đấu xây dựng mô hình “Nhà an toàn cho phụ nữ và trẻ em” kết nối đường dây nóng 24/7 cấp tỉnh và mô hình dịch vụ chăm sóc cộng đồng cấp xã. Duy trì và cải tiến mô hình “địa chỉ tin cậy” trở thành “điểm chạm đầu tiên” hỗ trợ phụ nữ tại cơ sở.

⁸¹ Khoa học - Công nghệ - Kỹ thuật - Toán học.

⁸² Là tập hợp nhóm phụ nữ (Cầu lạc bộ, tổ...) có hiểu biết, kỹ năng về công nghệ, hỗ trợ nhau phát triển năng lực số.

⁸³ Thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

⁸⁴ Đề án “Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017 – 2027”.

⁸⁵ Thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 9/9/2025 của Bộ Chính trị “Về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân

⁸⁶ Ngôi nhà Bình yên, “Địa chỉ tin cậy cộng đồng”, “Nhà an toàn cho phụ nữ và trẻ em”, “Tổ phụ nữ lên tiếng”, nhóm phản ứng nhanh.

- Tăng cường công tác giáo dục, chăm sóc trẻ em thông qua vai trò người mẹ và gia đình; triển khai các chương trình giáo dục làm cha mẹ, dinh dưỡng cho trẻ em; phối hợp triển khai thí điểm và nhân rộng mô hình “Bếp ăn học đường chuẩn dinh dưỡng”; đưa kiến thức nuôi dạy con tích cực, sức khỏe tinh thần, phòng chống xâm hại phụ nữ và trẻ em vào sinh hoạt chi hội. Phát huy bền vững hiệu quả Chương trình “Mẹ đỡ đầu” hỗ trợ, chăm sóc trẻ em mồ côi, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; đẩy mạnh các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, an sinh xã hội, hậu phương quân đội.

(3) Hỗ trợ phụ nữ tham gia bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

- Xây dựng, triển khai các chương trình/mô hình tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia bảo vệ môi trường⁸⁷; nhân rộng mô hình “Phụ nữ sống xanh”, góp phần thực hiện “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050”, phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường; giảm thiểu phát sinh rác, phân loại, thu gom, xử lý rác thải đúng cách vì một Việt Nam sáng - xanh - sạch - đẹp⁸⁸.

- Tuyên truyền, vận động phụ nữ sử dụng tài nguyên, năng lượng tiết kiệm, hiệu quả gắn với chuyển dịch năng lượng công bằng, năng lượng tái tạo⁸⁹; nâng cao nhận thức, kỹ năng và khả năng chống chịu của phụ nữ trước thiên tai, dịch bệnh, ứng phó với biến đổi khí hậu; tham gia tích cực hoạt động phòng, chống thiên tai dựa vào cộng đồng.

1.2. Nhiệm vụ 2: *Hỗ trợ nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế của đất nước*⁹⁰

Nội dung nhiệm vụ:

(1) Phát huy vai trò của phụ nữ chủ động tham gia phát triển kinh tế; nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống hội viên, phụ nữ, gia đình và cộng đồng; góp phần thực hiện mục tiêu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước bình quân cho giai đoạn 2026 - 2030 từ 10%/năm trở lên; đóng góp tích cực vào thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước.

(2) Hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo bền vững; nâng cao năng lực trong lao động, sản xuất, kinh doanh, khởi nghiệp; tiếp cận nguồn vốn, khoa học - công nghệ, đào tạo nghề; tham gia phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, kinh tế nhà nước.

Các giải pháp cụ thể:

(1) Hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo bền vững

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho phụ nữ về chủ trương, chính sách giảm nghèo; tham gia thực hiện các hoạt động giảm nghèo bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035,

⁸⁷ Phân loại, tái chế, tái sử dụng xử lý rác thải tại nguồn và hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần; tiết kiệm năng lượng.

⁸⁸ Nghị quyết số 394/NQ-CP của Chính phủ ngày 03/12/2025.

⁸⁹ Thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

⁹⁰ Thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 6/1/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước.

giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030.

- Hỗ trợ phụ nữ tham gia các mô hình sinh kế phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển của địa phương; ưu tiên hỗ trợ phụ nữ nghèo, cận nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng dễ xảy ra thiên tai, vùng biên giới, hải đảo.

(2) Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, sáng tạo, tham gia phát triển kinh tế tư nhân

- Triển khai hiệu quả Đề án của Chính phủ “*Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026 - 2035*” (Đề án 2415); tuyên truyền khơi dậy tinh thần khởi nghiệp; phát triển, kết nối các thành phần trong hệ sinh thái hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp; hỗ trợ phụ nữ tham gia các mô hình phát triển kinh tế bền vững; tư vấn pháp lý, hướng dẫn hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp; tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ phụ nữ khởi sự, khởi nghiệp.

- Xây dựng, nhân rộng các mô hình hiệu quả, gắn với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh⁹¹, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất. Thí điểm mô hình “01 phụ nữ - 01 gia đình - 01 mô hình phát triển kinh tế”.

- Hỗ trợ phụ nữ kết nối chuỗi giá trị, mở rộng thị trường, đưa sản phẩm của phụ nữ vào chuỗi cung ứng xanh. Tăng cường phối hợp với Hiệp hội Nữ doanh nhân Việt Nam, Hội Nữ trí thức Việt Nam, các hội, hiệp hội, câu lạc bộ doanh nhân nữ, các tập đoàn, doanh nghiệp trong hỗ trợ hội viên, phụ nữ khởi nghiệp.

(3) Hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hộ gia đình, tham gia phát triển kinh tế nhà nước

- Triển khai hiệu quả Đề án của Chính phủ “*Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030*” (Đề án 01); vận động, hỗ trợ phụ nữ thành lập mới tổ hợp tác, hợp tác xã, hướng tới kinh tế số, xanh, tuần hoàn.

- Hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; thúc đẩy phát triển các sản phẩm của phụ nữ đạt chuẩn OCOP; tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng các tổ hợp tác, hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững. Phân đầu đến cuối nhiệm kỳ, Hội LHPN mỗi tỉnh, thành phố xây dựng 01 cụm dự án sinh kế - hợp tác xã do phụ nữ quản lý.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của hội viên, phụ nữ, lao động nữ về vai trò, tầm quan trọng của phát triển kinh tế nhà nước; phát huy trách nhiệm tham gia của lao động và cán bộ quản lý nữ trong phát triển kinh tế nhà nước. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp trực thuộc Hội.

(4) Thực hiện hiệu quả Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia

- Hỗ trợ hội viên, phụ nữ tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi của Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Ngân hàng thương mại, quỹ đầu tư, các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính, bảo hiểm vi mô.

- Tổ chức hoạt động giáo dục tài chính toàn diện phù hợp với từng nhóm phụ nữ, ưu tiên phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

⁹¹ Thí điểm một số mô hình mới: Mô hình “Hợp tác xã số”, “Tổ phụ nữ kinh doanh số”, “Chợ số - Nông thôn số”.

- Cùng cố hoạt động ủy thác tín dụng theo hướng chuyên nghiệp, đúng quy định pháp luật. Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng hoạt động và hệ sinh thái sản phẩm tài chính, phi tài chính của Tổ chức Tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tình Thương (TYM).

1.3. Nhiệm vụ 3: Vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới vì sự phát triển của phụ nữ

Nội dung nhiệm vụ:

(1) Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về bình đẳng giới; khẳng định vai trò, vị trí và đóng góp của phụ nữ trong gia đình và xã hội. Vận động các cơ quan, tổ chức, cộng đồng thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách, pháp luật về bình đẳng giới. Phát huy vai trò, trách nhiệm của cộng đồng trong thúc đẩy bình đẳng giới. Đẩy mạnh các hoạt động lên tiếng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ.

(2) Phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ nữ trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

Các giải pháp cụ thể:

(1) Vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới

- Tổ chức các sự kiện, chiến dịch truyền thông, vận động xã hội nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, xoá bỏ định kiến giới, tiếp tục phát huy các hoạt động/mô hình hiệu quả trong giải quyết một số vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em, nhất là vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức liên quan trong thúc đẩy bình đẳng giới; nghiên cứu, dự báo, đề xuất và tham gia thực thi chính sách, pháp luật, chương trình, đề án, dự án có lồng ghép giới; phát huy vai trò đội ngũ chuyên gia, thúc đẩy trách nhiệm giải trình của các cơ quan trong thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới. Tăng cường giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về phụ nữ và bình đẳng giới.

(2) Tham mưu xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ nữ trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

- Tham mưu, đề xuất chương trình, chính sách nhằm xây dựng nguồn nhân lực nữ chất lượng cao, phát huy vai trò đội ngũ cán bộ nữ đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới. Đề xuất chủ trương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và 10 năm thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới.

- Chủ động phối hợp trong công tác phát hiện, bồi dưỡng, giới thiệu, tạo nguồn quy hoạch cán bộ nữ; tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ nữ; đa dạng hóa các hình thức kết nối, chia sẻ kinh nghiệm của cán bộ nữ; phát hiện, giới thiệu phụ nữ ưu tú cho Đảng; phối hợp, phát huy vai trò của Ủy ban/Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp, các ngành; duy trì mạng lưới lãnh đạo nữ.

Khuyến khích phụ nữ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

(3) Đẩy mạnh các hoạt động lên tiếng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ

- Đẩy mạnh phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới; tham gia phát hiện, lên tiếng, bảo vệ và kiến nghị xử lý các hành vi bạo lực, mua bán, xâm hại phụ nữ, trẻ em. Tăng cường phối hợp liên ngành⁹² trong phòng ngừa, can thiệp và hỗ trợ kịp thời; đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức cho nam giới và trẻ em trai trong phòng, chống bạo lực. Phối hợp tổ chức các hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho phụ nữ, đặc biệt là nhóm phụ nữ dễ bị tổn thương. Thực hiện Quy chế phối hợp thí điểm Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự bảo vệ quyền lợi của các chủ thể là đối tượng dễ bị tổn thương hoặc bảo vệ lợi ích công.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo và kiến nghị của phụ nữ, nâng cao năng lực, hiệu quả cơ chế kết nối trong hệ thống Hội để kịp thời nắm bắt và giải quyết các vấn đề bức xúc của phụ nữ.

1.4. Nhiệm vụ 4: Tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, tham gia quản lý nhà nước, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc

Nội dung nhiệm vụ:

(1) Tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy vai trò của phụ nữ tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

(2) Tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền; thực hiện giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới.

(3) Vận động phụ nữ tham gia các phong trào thi đua yêu nước, thực hành dân chủ, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc.

Các giải pháp cụ thể:

(1) Tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước

- Tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ tích cực học tập, nâng cao nhận thức chính trị, tinh thần yêu nước, ý thức thượng tôn pháp luật, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; chủ động tham gia thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu 100 năm thành lập Đảng và 100 năm thành lập Nước.

- Tổ chức hiệu quả “Ngày Phụ nữ với pháp luật” hằng năm ở các cấp; tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ và người thân nâng cao ý thức trách nhiệm trong phòng ngừa tội phạm, tệ nạn xã hội ngay từ trong gia đình; phối hợp với các bộ, ban, ngành đa dạng hóa, nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho phụ nữ; nhân rộng các mô hình giáo dục pháp luật hiệu quả⁹³.

⁹² Lực lượng Công an, Tư pháp, Nội vụ, các trung tâm Trợ giúp pháp lý, đường dây nóng, các văn phòng luật sư.

⁹³ Phiên tòa giả định, tổ tư vấn pháp luật...

- Tổ chức các diễn đàn, hội nghị đối thoại và các hoạt động để tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; tham gia phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

(2) Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội; tích cực nghiên cứu, đề xuất chính sách liên quan đến phụ nữ, công tác phụ nữ và bình đẳng giới⁹⁴

- Tham mưu, góp ý xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật; thúc đẩy lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình xây dựng chính sách, pháp luật, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của phụ nữ, nhất là các nhóm phụ nữ đặc thù.

- Chủ động nghiên cứu, rà soát chính sách hiện hành, dự báo các vấn đề phát sinh trong thực tiễn làm cơ sở đề xuất xây dựng chính sách, luật pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ; tăng cường huy động sự tham gia của phụ nữ vào quá trình xây dựng chính sách.

- Lựa chọn nội dung, hình thức giám sát, phản biện xã hội phù hợp với từng thời điểm, địa bàn, chú trọng các vấn đề mới, bức thiết của phụ nữ. Tiếp tục nâng cao chất lượng kiến nghị, phản biện chính sách vì lợi ích chung, trên tinh thần xây dựng, theo dõi đến cùng việc xử lý, giải quyết, đảm bảo thực chất, hiệu quả.

- Phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan trong giám sát việc thực hiện chính sách, luật pháp liên quan đến phụ nữ, trẻ em; phát huy vai trò đội ngũ chuyên gia.

(3) Phát huy vai trò làm chủ của phụ nữ; thực hiện dân chủ ở cơ sở, góp phần tăng cường sự đồng thuận xã hội

- Phát huy vai trò tổ chức đại diện của phụ nữ, cầu nối giữa Đảng, chính quyền với phụ nữ, kịp thời nắm bắt và phản ánh tình hình phụ nữ, định hướng dư luận, tuyên truyền, phổ biến, vận động hội viên, phụ nữ và nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

- Tăng cường nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của phụ nữ; kịp thời phản ánh, kiến nghị với cấp ủy, chính quyền các cấp. Đa dạng hóa hình thức, ứng dụng công nghệ thông tin và nền tảng số trong tiếp nhận ý kiến của phụ nữ; phối hợp giải quyết các vấn đề bức xúc, góp phần tạo sự đồng thuận xã hội; tham gia và tổ chức thực hiện “Tháng nghe dân nói” hằng năm; triển khai “Cổng Mặt trận số” tiếp nhận kiến nghị 24/7.

- Nâng cao nhận thức, năng lực làm chủ và phát huy vai trò chủ thể của phụ nữ trong xây dựng, bảo vệ đất nước; vận động phụ nữ thực hiện dân chủ trực tiếp, tham gia góp ý xây dựng pháp luật, chính sách, nhất là các nội dung liên quan đến phụ nữ; tích cực tham gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

- Tổ chức, phối hợp tổ chức các diễn đàn đối thoại xã hội, đối thoại chính sách để phụ nữ tham gia đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng và thực thi chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy cơ chế giám sát trực tiếp của phụ nữ và kịp thời giải quyết các vấn đề của phụ nữ ngay tại cơ sở.

⁹⁴ Thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

1.5. Nhiệm vụ 5: Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh; thực hiện hiệu quả hoạt động đối ngoại nhân dân và hội nhập quốc tế.

Nội dung nhiệm vụ:

(1) Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của Hội theo hướng bám sát cơ sở; tăng cường vận động, tập hợp phụ nữ; đa dạng hóa các mô hình thu hút phụ nữ tham gia tổ chức Hội; chú trọng phát triển hội viên ở các nhóm phụ nữ đặc thù, nâng cao chất lượng hội viên.

(2) Củng cố, kiện toàn tổ chức Hội các cấp; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và hỗ trợ hội viên, phụ nữ. Xây dựng đội ngũ cán bộ tâm huyết, trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

(3) Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại nhân dân; mở rộng, nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phụ nữ, tổ chức quốc tế. Tăng cường hiểu biết, đoàn kết quốc tế; nâng cao tiếng nói của phụ nữ Việt Nam trong các diễn đàn khu vực và toàn cầu, quảng bá hình ảnh phụ nữ, đất nước và con người Việt Nam.

Các giải pháp cụ thể:

(1) Đẩy mạnh công tác phát triển hội viên, thu hút phụ nữ tham gia hoạt động Hội

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động Hội phù hợp với mô hình chính quyền 3 cấp và tổ chức bộ máy mới theo phương châm “Ở đâu có phụ nữ, ở đó có hoạt động Hội”. Cán bộ Hội các cấp thực hiện “3 cùng”⁹⁵ với cơ sở, hỗ trợ cơ sở Hội khó khăn trong phát triển hội viên.

- Củng cố các mô hình chi Hội, tổ Phụ nữ theo địa bàn dân cư; duy trì, mở rộng các mô hình phù hợp với nhu cầu, sở thích chính đáng của phụ nữ và các nhóm phụ nữ đặc thù; nhân rộng các hình thức thu hút, tập hợp phụ nữ trên không gian mạng; thí điểm sinh hoạt Hội trực tuyến phù hợp với điều kiện của hội viên... hướng đến “*Mỗi cơ sở Hội là một điểm đến thân thiện, hữu ích*”.

- Phát triển hội viên danh dự và phát huy vai trò của hội viên danh dự trong tham gia, hỗ trợ các hoạt động Hội.

- Kết nối, phát huy thế mạnh của hội viên Hội Nữ trí thức Việt Nam, Hiệp hội Nữ doanh nhân Việt Nam trong phối hợp triển khai thực hiện hoạt động Hội, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; hỗ trợ các tổ chức thành viên mở rộng mạng lưới.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu cán bộ, hội viên đáp ứng yêu cầu kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia; vận hành phần mềm quản lý hội viên có hiệu quả.

(2) Củng cố, xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, hoạt động hiệu quả

- Tập trung đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng hoạt động của các cấp Hội theo hướng sáng tạo, hành động quyết liệt, hiệu quả, hướng về cơ sở, phù hợp với mô hình chính quyền 3 cấp và xu thế hội nhập trong bối cảnh chuyển đổi số. Tổ chức Hội các cấp hoạt động theo phương châm “*Trung ương định hướng*

⁹⁵ Cùng nghe phụ nữ nói, cùng nói cho phụ nữ hiểu, cùng làm cho phụ nữ theo.

chiến lược, Tinh vận dụng sáng tạo, Xã đồng hành cùng hội viên, Chi thấu hiểu phụ nữ”.

- Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ Hội các cấp đảm bảo tinh gọn, hiệu quả; cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ theo vị trí việc làm; đảm bảo rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ kết quả, thống nhất chỉ đạo và tổ chức thực hiện ở các cấp Hội; có hình thức khuyến khích, động viên cán bộ Hội không chuyên trách.

- Tiếp tục triển khai các giá trị cốt lõi của tổ chức “*Đoàn kết, nhân văn, sáng tạo, khát vọng, phát triển*” đến cán bộ, hội viên, phụ nữ; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo, hiệu quả, giữ gìn, phát triển văn hóa tổ chức Hội.

- Chuyển đổi số toàn diện trong quản lý, điều hành tổ chức Hội từ Trung ương đến cơ sở⁹⁶; vận hành hiệu quả phần mềm điều hành tác nghiệp trong hệ thống Mặt trận Tổ quốc; thí điểm xây dựng mô hình “Cơ sở Hội số”⁹⁷.

- Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội các cấp nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ bản lĩnh, có năng lực, khả năng thích ứng nhanh, uy tín, tâm huyết, nhiệt tình, có kỹ năng công tác mặt trận, kỹ năng số, công tác vận động phụ nữ phù hợp với tình hình mới, có tư duy chiến lược, đổi mới, phong cách làm việc chuyên nghiệp, thích ứng với chuyển đổi số. Tích cực tham gia Đề án “Bồi dưỡng cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp giai đoạn 2026 -2031”.

- Chú trọng tạo nguồn cán bộ Hội các cấp, quan tâm phát hiện, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ trẻ, có năng lực, trình độ; bố trí, sử dụng cán bộ phù hợp năng lực, sở trường, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, tư duy đột phá, khát vọng cống hiến.

- Tổ chức các hoạt động phù hợp để huy động sự tham gia hiệu quả của Ủy viên Ban Chấp hành các ngành và phụ nữ tiêu biểu, đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tại cơ sở, hội viên danh dự, chuyên gia, tư vấn cho các lĩnh vực công tác Hội.

- Đổi mới toàn diện công tác đánh giá, xếp loại và khen thưởng đảm bảo thực chất, công khai, minh bạch, dựa trên kết quả hoạt động. Tăng cường phát hiện, biểu dương, khen thưởng, nhân rộng mô hình mới, cách làm sáng tạo, gương điển hình tiên tiến; quan tâm động viên, tôn vinh cán bộ Hội các cấp; tiếp tục nâng cao chất lượng, giá trị Giải thưởng Nguyễn Thị Định.

(3) Thực hiện công tác kiểm tra

- Xây dựng và thực hiện cơ chế, chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát cụ thể, lựa chọn nội dung kiểm tra, giám sát chuyên sâu, có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo quy trình, nguyên tắc; phối hợp đồng bộ giữa công tác kiểm tra với công tác giám sát; kiểm tra, giám sát ngay từ khâu triển khai; theo dõi kết quả sau kiểm tra, giám sát để khắc phục triệt để hạn chế.

- Tổ chức giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hệ thống Hội theo thẩm quyền, đúng quy trình, nguyên tắc, đảm bảo khách quan, dân chủ, công bằng, theo quy định. Triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng quy định và thẩm quyền công tác thi

⁹⁶ Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

⁹⁷ Mô hình “Cơ sở Hội số”: Nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức Hội cấp cơ sở thông qua ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng số.

hành kỷ luật cán bộ trong hệ thống Hội.

- Xây dựng, kiện toàn Ủy ban Kiểm tra các cấp đảm bảo số lượng, chất lượng, cơ cấu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Tăng cường công tác giám sát việc thực hiện chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đẩy mạnh kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết, chương trình công tác Hội, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế; khắc phục những khó khăn trong hoạt động của các cấp Hội theo mô hình mới.

(4) Phát huy vai trò tích cực chủ động của tổ chức Hội và phụ nữ trong công tác đối ngoại nhân dân⁹⁸ và hội nhập quốc tế

- Tuyên truyền, quảng bá về hình ảnh đất nước, con người, phụ nữ Việt Nam trên các diễn đàn quốc tế. Phổ biến luật pháp, chính sách, cam kết quốc tế liên quan đến phụ nữ, bình đẳng giới⁹⁹. Tích cực thực hiện các cam kết quốc tế về quyền con người, phụ nữ, bình đẳng giới mà Việt Nam tham gia.

- Đa dạng hóa và mở rộng quan hệ hợp tác với đối tác phụ nữ các nước, đặc biệt là các nước láng giềng, ASEAN và đối tác chiến lược; tăng cường kết nối với các tổ chức quốc tế và mạng lưới nữ lãnh đạo, nữ khoa học, nữ doanh nhân; thúc đẩy hợp tác thiết thực giữa Hội LHPN các tỉnh, thành, nhất là các tỉnh giáp biên giới với tổ chức phụ nữ các nước láng giềng.

- Tích cực tham gia hợp tác song phương, đa phương; thực hiện vai trò thành viên trách nhiệm trong Liên đoàn các tổ chức Phụ nữ ASEAN (ACWO) và Liên đoàn Phụ nữ Dân chủ Quốc tế (WIDF); nâng cao vai trò, tiếng nói của phụ nữ Việt Nam, phát huy sáng kiến của tổ chức Hội tại các diễn đàn khu vực và quốc tế, thúc đẩy các thỏa thuận hợp tác hiệu quả và góp phần gìn giữ hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển; đồng thời lồng ghép các nội dung bình đẳng giới và vấn đề phụ nữ vào các sáng kiến đối ngoại của Việt Nam.

- Phối hợp chia sẻ thông tin, kết nối và hỗ trợ phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài; thu hút sự tham gia trong các hoạt động củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, gìn giữ và lan tỏa văn hóa, hình ảnh Việt Nam, phát huy vai trò trong gìn giữ tiếng Việt và văn hóa dân tộc; phối hợp bảo vệ quyền và nhân phẩm của phụ nữ Việt Nam trong các quan hệ có yếu tố nước ngoài.

2. Các giải pháp chung:

2.1. Đổi mới phương thức tuyên truyền, bồi dưỡng, đào tạo nâng cao nhận thức, năng lực cho cán bộ, hội viên, phụ nữ

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng và phát triển các nền tảng số của Hội, sử dụng hiệu quả Ứng dụng Phụ nữ Việt Nam, mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo trong công tác truyền thông. Xây dựng nội dung tuyên truyền phù hợp với từng nhóm tuổi, nghề nghiệp, vùng miền và trình độ học vấn.

- Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, kết hợp trực tiếp với trực tuyến; hội

⁹⁸ Thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

⁹⁹ Công ước Liên hợp quốc về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Tuyên bố và Chương trình Hành động Bắc Kinh về phụ nữ, các Mục tiêu Phát triển Bền vững, Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc về phụ nữ, hòa bình và an ninh.

thi, tọa đàm; các hình thức sân khấu hóa, văn học, nghệ thuật; tham quan, giao lưu, học tập mô hình; xây dựng, số hóa tài liệu, cẩm nang dễ hiểu, dễ áp dụng.

- Phát hiện, bồi dưỡng lực lượng nòng cốt là cán bộ Hội, hội viên, phụ nữ tiêu biểu và tuyên truyền viên cơ sở. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức kết nối đào tạo, nâng cao năng lực cho hội viên, phụ nữ.

2.2. Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành và phương thức hoạt động

- Xây dựng kho dữ liệu số dùng chung, tích hợp, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu; tham gia, sử dụng hiệu quả nền tảng “Mặt trận số”. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện quy chế, quy định đảm bảo bộ máy tổ chức vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo theo hướng phân cấp, linh hoạt, rõ ràng giữa các cấp Hội, giao quyền chủ động cho Hội Phụ nữ các cấp phù hợp với điều kiện thực tế. Thực hiện giám sát và đánh giá theo kết quả đầu ra. Tăng cường cơ chế trao quyền, khuyến khích sáng tạo, thí điểm mô hình mới tại địa phương trước khi nhân rộng.

- Đổi mới phương pháp triển khai hoạt động Hội theo hướng thiết thực, hiệu quả, lấy nhu cầu của hội viên, phụ nữ làm trung tâm; triển khai mô hình điểm, nhân rộng cách làm hiệu quả; tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm minh bạch, trách nhiệm giải trình; phát huy vai trò của hội viên trong đánh giá hoạt động Hội.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học có tính lý luận và ứng dụng thực tiễn; tăng cường hợp tác, chia sẻ kết quả nghiên cứu với các tổ chức trong và ngoài nước.

2.3. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp, kết nối, huy động nguồn lực

- Đề xuất các chương trình, đề án từ nguồn ngân sách nhà nước trung ương, địa phương; tích cực tham gia các Chương trình mục tiêu quốc gia; thiết lập, duy trì phối hợp với các bộ, ngành, tổ chức, doanh nghiệp và đối tác trong, ngoài nước để lồng ghép nội dung công tác Hội trong các chương trình chung. Vận động doanh nghiệp đồng hành thông qua các chương trình thực hiện trách nhiệm xã hội. Phát huy vai trò người có uy tín, người có ảnh hưởng trong tổ chức các hoạt động vận động nguồn lực.

- Tăng cường kết nối với doanh nghiệp, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức thành viên để trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ kỹ thuật; phát triển đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên. Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ hiệu quả cho việc kết nối và vận động nguồn lực.

*

* *

Với tinh thần **“Đoàn kết - Bản lĩnh - Nhân ái - Sáng tạo - Phát triển”**, Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIV kêu gọi toàn thể cán bộ, hội viên, phụ nữ cả nước phát huy truyền thống tốt đẹp, tinh thần tự chủ, khát vọng vươn lên, nắm bắt cơ hội, vượt qua khó khăn thách thức, quyết tâm xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, vì sự phát triển của phụ nữ và bình đẳng giới, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, vì một nước Việt Nam dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc./.

PHỤ LỤC SỐ LIỆU VỀ TÌNH HÌNH PHỤ NỮ GIAI ĐOẠN 2022 - 2026

I. TÌNH HÌNH PHỤ NỮ

Bảng 1. Dân số nữ

Stt	Nội dung	Số liệu			
		Năm 2021		Năm 2025	
1	Dân số nữ trong tổng dân số	Nghìn người	Tỷ lệ%	Nghìn người	Tỷ lệ%
	Cả nước	49.416,9	50,2	51.308,7	50,1
	+ Thành thị	18.571,7	50,5	20.064,8	50,7
	+ Nông thôn	30.845,2	50	31.243,9	49,8
2	Tỷ lệ dân số nữ theo nhóm tuổi (%)	Năm 2021		Năm 2025	
	- Từ 15 - 55 tuổi	56,9		55,9	
	- Từ 18 tuổi trở lên	73		73,9	
	- Từ đủ 16-30 tuổi	19,1		18,6	
	- Từ 15 - 49 tuổi	51		49,6	
	- 60 tuổi trở lên	14,7		16,4	
3	Tỷ lệ tăng dân số nữ (%)	1,55		1,07	

Nguồn: Cục Thống kê, Bộ Tài chính

Bảng 2: Phụ nữ trong đời sống gia đình

Stt	Cơ cấu chung	Số liệu	
1	Tỷ lệ hộ gia đình do nữ làm chủ (%)	Năm 2021	Năm 2025
	- Cả nước	27,9	29,1 ¹
	+ Thành thị	36,2	37,1 ²
	+ Nông thôn	22,6	24,1 ³
2	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều có chủ hộ là nữ làm trong tổng số hộ nghèo trong cả nước (%)	25,1	27,1
3	Thu nhập bình quân đầu người hộ gia đình có chủ hộ là nữ (Nghìn đồng/người/tháng)	4.480	6.125,5
4	Tuổi kết hôn trung bình lần đầu của phụ nữ		
	- Cả nước	24,1	25,1
	+ Thành thị	25,8	26,8
	+ Nông thôn	22,9	23,9

¹ Số liệu đến năm 2023 theo Sách Thông tin thống kê giới tại Việt Nam năm 2023.

² Số liệu đến năm 2023 theo Sách Thông tin thống kê giới tại Việt Nam năm 2023.

³ Số liệu đến năm 2023 theo Sách Thông tin thống kê giới tại Việt Nam năm 2023.

Stt	Cơ cấu chung	Số liệu	
5	<i>Số nhân khẩu, số người trong độ tuổi lao động bình quân và tỷ lệ phụ thuộc trong hộ gia đình có chủ hộ là nữ</i>	Năm 2021	Năm 2025
	Số nhân khẩu bình quân/hộ	3,1	3
	Số người trong tuổi lao động bình quân/hộ	1,8	1,7
	Tỷ lệ người phụ thuộc	0,8	0,8
6	<i>Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai/100 bé gái)</i>	Năm 2021	Năm 2024 (sơ bộ)
	- Cả nước	112	111,4
	+ Thành thị	111,8	110,7
	+ Nông thôn	111,3	111,8
7	<i>Tỷ suất di cư thuần của nữ giới (‰)</i>	Năm 2021	Năm 2025
	Cả nước	5,3	5,3

Nguồn: Cục Thống kê - Bộ Tài chính

Bảng 3: Tình hình lao động nữ

Stt	Nội dung	Số liệu	
		Năm 2021	Ước tính năm 2025
1	<i>Tỷ lệ nữ trong tổng lực lượng lao động (từ 15 tuổi trở lên) (%)</i>		
	- Cả nước	46,5	46,8
	+ Thành thị	47,6	47,9
	+ Nông thôn	45,9	46,1
2	<i>Tỷ lệ lao động nữ có việc làm trong nền kinh tế (%)</i>	46,5	46,8
3	<i>Tỷ lệ lao động nữ có việc làm phi chính thức (%)</i>		
	- Cả nước	68,5	63,1
	+ 15-29 tuổi	52,2	48,5
	+ 30-44 tuổi	54,4	46,6
	+ 45-54 tuổi	75,1	65,6
	+ 55+ tuổi	93,2	90,5
4	<i>Tỷ lệ lao động nữ đã qua đào tạo (%)</i>	23,3	25,3
5	<i>Tỷ lệ thất nghiệp của lao động nữ (%)</i>		
	- Cả nước	2,92	2,09
	- Thành thị	4,06	2,31
	- Nông thôn	2,23	1,94
6	<i>Tỷ lệ lao động nữ trong các loại hình kinh tế (%)</i>		
	- Nhà nước	44,9	52,9
	- Ngoài Nhà nước	45,8	44,6
	- Có vốn đầu tư nước ngoài	55,4	59,3

Stt	Nội dung	Số liệu	
7	<i>Cơ cấu lao động nữ theo vị thế việc làm (%)</i>	100	100
	- Chủ cơ sở	1,2	0,8
	- Tự làm	33,9	33,5
	- Lao động gia đình	16,4	13,5
	- Làm công hưởng lương	48,4	52,1
8	<i>Tỷ lệ lao động nữ trong các ngành, lĩnh vực (%)</i>		
	- Làm thuê các công việc trong các hộ gia đình	96,8	94,8
	- Giáo dục đào tạo	74,8	75,6
	- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	67,5	66,8
	- Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	63,5	65
	- Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	70,9	63,2
	- Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	55,3	55,2
	- Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	54,5	56
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo (dệt may, da giày, điện tử...)	54,4	54,5
	- Hoạt động dịch vụ khác	52,2	54,4
	- Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	45,9	45,1
	- Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	51,1	50,3
	- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	44,7	39,5
	- Hoạt động kinh doanh bất động sản	40,8	40
	- Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	35,1	36,8
	- Thông tin truyền thông	33,8	33,6
	- Hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội	30,7	32
	- Khai khoáng	18,7	19,9
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước và điều hòa không khí	17,1	17,9
	- Xây dựng	10,2	9,9
	- Vận tải kho bãi	9,9	9,5

Nguồn: Cục Thống kê, Bộ Tài chính

Bảng 4: Thu nhập của lao động nữ (triệu đồng/tháng)

Stt	Nội dung	Năm 2021		Năm 2025	
		Triệu đồng/tháng	Tỷ lệ so với nam (%)	Triệu đồng/tháng	Tỷ lệ so với nam (%)
1	Thu nhập bình quân chung	4,69	70,8	7,19	76
2	Thu nhập bình quân một lao động nữ có việc làm khu vực thành thị	6,08	78,6	9,10	82,4

Stt	Nội dung	Năm 2021		Năm 2025	
		Triệu đồng/tháng	Tỷ lệ so với nam (%)	Triệu đồng/tháng	Tỷ lệ so với nam (%)
3	Thu nhập bình quân một lao động nữ có việc làm khu vực nông thôn	3,87	64,3	5,92	69,8

Nguồn: Cục Thống kê, Bộ Tài chính

Bảng 5: Trình độ học vấn của dân số nữ

Stt	Nội dung	Số liệu			
		Năm 2021		Năm 2025	
1	Tỷ trọng dân số 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết	Chung	Nữ	Chung	Nữ
	Cả nước	95,7	94,5	97,1	96,4
2	Phụ nữ có trình độ đại học trở lên	Năm 2021		Năm 2025	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
	Cả nước	2,8	11,7	-	-
3	Phụ nữ được phong Giáo sư, Phó giáo sư ⁴	Giai đoạn 2017 - 2021		Giai đoạn 2022 - 2025	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ so với tổng số GS/PGS (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ so với tổng số GS/PGS (%)
	Tổng số	495	26,2	725	31,2

Bảng 6: Nữ học sinh và giáo viên nữ trong các cấp học

Stt	Nội dung	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2023 - 2024
1	Tỷ lệ nữ học sinh trong các cấp học (%)		
	- Mầm non	47,9	47,9
	- Tiểu học	47,7	47,7
	- Trung học cơ sở	48,3	48,2
	- Trung học phổ thông	53,4	52,8
	- Đại học	53,8	53,8
2	Tỷ lệ nữ giáo viên các cấp học (%)		
	- Mầm non	99,8	99,8
	- Tiểu học	78,7	79
	- Trung học cơ sở	69,4	70,2

⁴ Nguồn: Hội đồng Giáo sư nhà nước

Stt	Nội dung	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2023 - 2024
	- Trung học phổ thông	65,3	chưa có thống kê
	- Đại học	49,9	chưa có thống kê

Bảng 7: Tuổi thọ và tiếp cận y tế

Stt	Nội dung	Số liệu	
		Năm 2021	Năm 2025
1	Tuổi thọ		
	- Tuổi thọ bình quân chung	73,6	74,7
	+ Tuổi thọ bình quân của nam	71,1	72,3
	+ Tuổi thọ bình quân của nữ	76,4	77,3
2	Dân số nữ có thể bảo hiểm y tế hoặc sổ/thẻ/giấy khám chữa bệnh miễn phí trong tổng số dân số nữ	Năm 2021	Năm 2025
	Cả nước	45.934.687	50.080.316
	- Học sinh	9.518.847	10.810.112
	- Nữ giới trưởng thành	21.489.405	23.296.692
	- Phụ nữ trên 55 tuổi	10.085.138	11.662.732
3	Tiếp cận dịch vụ y tế	Năm 2021	Năm 2025 (sơ bộ)
	- Số lượt phụ nữ được khám phụ khoa	6.638.617	7.553.722
	- Số phụ nữ được chữa phụ khoa	2.791.432	2.960.996
	- Tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng uốn ván ≥ 2 lần (%)	79,8	85,7
	- Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai ≥ 4 lần/3 kỳ (%)	75,7	86,7
	- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ có kỹ thuật đỡ (%)	94,2	94,8
	- Tỷ lệ bà mẹ được khám sau sinh (%)	70,6	84,8
4	Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ ra sống⁵	46	44
5	Tỷ lệ ca phá thai trên 100 ca đẻ ra sống	9,4	10,5

Nguồn: Bộ Y tế; Cục Thống kê - Bộ Tài chính; Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Bảng 8: Tình hình mua bán, bạo lực, xâm hại phụ nữ và trẻ em gái

Stt	Nội dung	Số liệu	
		Năm 2021	Năm 2025 (sơ bộ)
1	Số vụ việc bạo lực gia đình được phát hiện	4.967	1.971

⁵ Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 và 2023

2	Số người bị bạo lực là nữ		
	- Số lượng/Tổng số	4.186/4.718	1.576/1.945
	- Tỷ lệ (%)	88,7	81

Nguồn: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Bảng 9. Phụ nữ tham gia Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp (số liệu đầu nhiệm kỳ)

Stt	Nội dung	Nhiệm kỳ 2021-2026		Nhiệm kỳ 2026-2031	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nữ đại biểu Quốc hội				
	- Nữ đại biểu Quốc hội	151	30,3	150	30
2	Tỷ lệ nữ đại biểu HĐND các cấp (%)				
	- Cấp tỉnh/thành	1.079	29	758/2.552	29,7
	- Cấp xã/phường/đặc khu	69.474	29	22.853/72.437	31,6

Bảng 10. Phụ nữ tham gia Ban Chấp hành Trung ương Đảng

Stt	Nội dung	Khóa XIII (2021-2026) ⁶		Khóa XIV (2026-2031)	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Ủy viên Bộ Chính trị	01	5,6	01	5,3
2	Ban Bí thư	01	20	03	23
3	Ủy viên Ban Chấp hành	19	9,5	21	10,5
4	Ủy viên BCH (dự khuyết)	01	5	0	0

Bảng 11. Tỷ lệ phụ nữ tham gia cấp ủy các cấp (%)

Stt	Chức danh	Nhiệm kỳ 2020-2025		Nhiệm kỳ 2025-2030	
		Tỉnh, thành	Xã	Tỉnh, thành	Xã
1	Bí thư	14,3	11,4	0	15
2	Phó Bí thư	11,4	14,8	16,4	21,3
3	Ủy viên Ban Thường vụ	11,3	14,6	14,6	20,1
4	Ủy viên Ban Chấp hành	15,7	20,8	18,7	27,4

Bảng 12. Phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý ở các cấp, các ngành

Stt	Nội dung	Thời điểm 12/2021		Thời điểm 5/2026	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nữ lãnh đạo cấp Trung ương				
1.1	Các cơ quan của Quốc hội				
	- Chủ tịch Quốc hội	0	0	0	0
	- Phó Chủ tịch Quốc hội	0	0	2/6	33,3

⁶ Số liệu đầu nhiệm kỳ

	- Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội và tương đương	3	23,8	2/8	25
	- Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội và tương đương	16	34	16/45	35,5
1.2	<i>Trưởng, phó các Ban của Trung ương Đảng</i>	6	11,5	5/47	10,6
1.3	<i>Bộ/ngành Trung ương</i>				
	- Bộ trưởng và tương đương	2	9,1	2/17	11,8
	- Thứ trưởng và tương đương	9	8,6	12/101	11,9
2	<i>Tỷ lệ nữ lãnh đạo cấp địa phương (%)</i>	<i>Nhiệm kỳ 2021-2026</i>		<i>Nhiệm kỳ 2026-2031</i>	
		<i>Tỉnh - Huyện - Xã</i>		<i>Tỉnh</i>	<i>Xã</i>
2.1	<i>Lãnh đạo HĐND</i>				
	- Chủ tịch	22,2		14,7	
	- Phó Chủ tịch	28,4		32,3	
2.2	<i>Lãnh đạo UBND</i>				
	- Chủ tịch UBND			0	
	- Phó Chủ tịch UBND			9,8	

Bảng 13: Phụ nữ tham gia lãnh đạo doanh nghiệp và kinh tế tập thể

Stt	Nội dung	Số liệu	
		Năm 2021	Năm 2025
1	- Nữ là đại diện pháp luật		
	+ Loại hình doanh nghiệp công ty cổ phần	61,4	62,6
	+ Loại hình doanh nghiệp công ty TNHH 2 thành viên trở lên	59,6	61,7
	+ Loại hình doanh nghiệp công ty TNHH 1 thành viên	30,4	32
2	- Nữ tham gia góp vốn trên 50%		
	+ Loại hình doanh nghiệp công ty cổ phần	55,9	58,2
	+ Loại hình doanh nghiệp công ty TNHH 2 thành viên trở lên	18,8	61,5
3	- Nữ là chủ sở hữu		
	+ Loại hình doanh nghiệp công ty TNHH 1 thành viên	30,6	32
	+ Loại hình doanh nghiệp tư nhân	33	33,2

Nguồn: Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và Kinh tế tập thể

II. THÀNH TÍCH CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2022 - 2026

Bảng 1. Nữ thầy thuốc, nghệ sĩ

Stt	Nội dung	Giai đoạn 2017-2021		Giai đoạn 2021-2025	
		<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ(%)</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
1	<i>Danh hiệu Thầy thuốc</i>	1.080	30,0		
	- Thầy thuốc Nhân dân	36	14,4	06	13
	- Thầy thuốc Ưu tú	1.044	31,1	396	30,2
2	<i>Danh hiệu Nghệ sĩ</i>				
	- Nghệ sĩ Nhân dân	26	31,0	49/124	39,5
	- Nghệ sĩ Ưu tú	103	33,6	109/268	40,6

Nguồn: Bộ Y tế; Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Bảng 2. Phụ nữ được nhận Giải thưởng Kovalevskaia, Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam

Stt	Nội dung	Giai đoạn 2017-2021	Giai đoạn 2022-2025
1	<i>Giải thưởng Kovalevskaia</i>		
	- Tập thể	4	2
	- Cá nhân	6	6
2	<i>Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam</i>		
	- Tập thể	32	14
	- Cá nhân	50	42

Nguồn: Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

PHỤ LỤC SỐ LIỆU
Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII
Giai đoạn 2022 - 2026

*(kèm theo dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương
Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam khóa XIII tại Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc
lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2026 - 2031)*

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT

Nội dung chỉ tiêu	Kết quả đạt được	So với chỉ tiêu
Chỉ tiêu 1: Hằng năm, mỗi cơ sở Hội ¹ duy trì thường xuyên ít nhất 1 loại hình hoạt động để vận động phụ nữ nâng cao kiến thức, trau dồi đạo đức, rèn luyện sức khỏe		
- <i>Số Hội LHPN cấp cơ sở duy trì thường xuyên ít nhất 1 loại hình hoạt động/ Tổng số Hội LHPN cấp cơ sở</i>	3.320/3.320 (100%)	Đạt chỉ tiêu
Chỉ tiêu 2: Hằng năm giúp 33.500 hộ có phụ nữ thoát nghèo, thoát cận nghèo; hỗ trợ nâng cao năng lực cho 17.000 phụ nữ là chủ doanh nghiệp, quản lý hợp tác xã, chủ hộ kinh doanh. Đến cuối nhiệm kỳ, vận động, hỗ trợ thành lập mới 350 hợp tác xã có phụ nữ tham gia quản lý		
- <i>Số hộ có phụ nữ được Hội giúp thoát nghèo, thoát cận nghèo (tính bình quân hàng năm)</i>	46.485	Vượt chỉ tiêu
- <i>Số phụ nữ là chủ doanh nghiệp, quản lý hợp tác xã, chủ hộ kinh doanh được các cấp Hội hỗ trợ nâng cao năng lực hàng năm (tính bình quân hàng năm)</i>	152.322	Vượt chỉ tiêu
- <i>Số hợp tác xã có phụ nữ tham gia quản lý được Hội vận động, hỗ trợ thành lập mới (tính đến cuối nhiệm kỳ)</i>	706	Vượt chỉ tiêu
Chỉ tiêu 3: Đến cuối nhiệm kỳ, các cấp Hội hỗ trợ 100% phụ nữ, trẻ em gái bị bạo lực gia đình, nạn nhân mua bán người trở về được phát hiện trong năm được các cấp Hội tư vấn hoặc hỗ trợ tiếp cận ít nhất một dịch vụ trợ giúp xã hội		
- <i>Số phụ nữ, trẻ em gái bị bạo lực gia đình được hỗ trợ tiếp cận ít nhất 01 dịch vụ trợ giúp xã hội/Số được phát hiện</i>	1.758/1.758 (100%)	Đạt chỉ tiêu

¹ Trong các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội, chỉ tính đến Hội LHPN cấp cơ sở theo đơn vị hành chính (xã, phường, thị trấn).

Nội dung chỉ tiêu	Kết quả đạt được	So với chỉ tiêu
- Số phụ nữ, trẻ em gái là nạn nhân của mua bán người trở về được hỗ trợ tiếp cận ít nhất 01 dịch vụ trợ giúp xã hội/Số được phát hiện	256/256 (100%)	Đạt chỉ tiêu
Chỉ tiêu 4: Hằng năm, mỗi cơ sở Hội vận động, hỗ trợ thêm 05 hộ gia đình đạt tiêu chí "gia đình 5 không, 3 sạch" hoặc "gia đình 5 có, 3 sạch", phấn đấu cả nước giúp được thêm 55.000 hộ gia đình đạt 8 tiêu chí; mỗi cơ sở Hội đăng ký và thực hiện 01 công trình/phần việc góp phần xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh		
- Số Hội LHPN cấp cơ sở vận động, hỗ trợ thêm 5 hộ gia đình đạt tiêu chí "gia đình 5 không, 3 sạch" hoặc "gia đình 5 có, 3 sạch"/ Tổng số Hội LHPN cấp cơ sở	3.320/3.320 (100%)	Đạt chỉ tiêu
- Số hộ gia đình đạt 8 tiêu chí tăng thêm so với đầu nhiệm kỳ	604.837	Vượt chỉ tiêu
- Số Hội LHPN cấp cơ sở thực hiện ít nhất 1 công trình/phần việc	3.320/3.320 (100%)	Đạt chỉ tiêu
Chỉ tiêu 5: Đến cuối nhiệm kỳ, tăng thêm 800.000 hội viên; phấn đấu 100% cơ sở Hội tập hợp được trên 60% phụ nữ có mặt tại địa bàn		
- Số lượng hội viên mới tăng thêm so với đầu nhiệm kỳ	1.245.121	Vượt chỉ tiêu
- Số Hội LHPN cấp cơ sở có tỷ lệ tập hợp hội viên tại địa bàn đạt từ 60% trở lên/ Tổng số Hội LHPN cấp cơ sở	3.100/3.320 (93,37%)	Không đạt chỉ tiêu
Chỉ tiêu 6: Đến cuối nhiệm kỳ, 100% cán bộ Hội chuyên trách các cấp sử dụng thành thạo các phần mềm cơ bản trong công tác Hội; 100% Chi hội trưởng được tập huấn nghiệp vụ công tác Hội		
- Số cán bộ Hội chuyên trách các cấp sử dụng thành thạo các phần mềm cơ bản trong công tác Hội/ Tổng số cán bộ Hội từng cấp	4.023	Đạt chỉ tiêu
+ Cấp tỉnh	732/732 (100%)	
+ Cấp cơ sở	3.291/3.291 (100%)	

Nội dung chỉ tiêu	Kết quả đạt được	So với chỉ tiêu
- Số Chi hội trưởng được tập huấn nghiệp vụ công tác Hội/ Tổng số Chi hội trưởng	88.937/ 88.937 (100%)	Đạt chỉ tiêu
Chỉ tiêu 7: Hằng năm, Hội LHPN cấp Trung ương và cấp tỉnh chủ trì giám sát ít nhất 01 chính sách và phản biện xã hội ít nhất 02 dự thảo văn bản liên quan đến phụ nữ, trẻ em, gia đình, bình đẳng giới và tổ chức Hội; mỗi Hội LHPN cấp xã giám sát ít nhất 01 chính sách và góp ý ít nhất 01 dự thảo văn bản của cấp ủy, chính quyền		
- Số chính sách Trung ương Hội LHPN Việt Nam chủ trì giám sát	9	Vượt chỉ tiêu
- Số dự thảo văn bản liên quan đến phụ nữ, trẻ em, gia đình, bình đẳng giới và tổ chức Hội được Trung ương Hội LHPN Việt Nam phản biện xã hội	7	Vượt chỉ tiêu
- Số chính sách Hội LHPN cấp tỉnh chủ trì giám sát	378	Không đạt chỉ tiêu ²
- Số Hội LHPN cấp cơ sở giám sát ít nhất 1 chính sách/ Tổng số Hội LHPN cấp cơ sở	3.319/3.319 (100%)	Đạt chỉ tiêu ³
- Số dự thảo văn bản Hội LHPN cấp tỉnh chủ trì phản biện xã hội	235	Không đạt chỉ tiêu ⁴
- Số Hội LHPN cấp cơ sở góp ý ít nhất 01 văn bản của cấp ủy, chính quyền/ Tổng số Hội LHPN cấp cơ sở	3.320/3.320 (100%)	Đạt chỉ tiêu
Chỉ tiêu 8: Đến cuối nhiệm kỳ, Hội LHPN cấp Trung ương đề xuất thành công ít nhất 05 chính sách, đề án; Hội LHPN cấp tỉnh đề xuất thành công ít nhất 01 chính sách, đề án liên quan đến phụ nữ		
- Số chính sách, đề án được Hội LHPN cấp Trung ương đề xuất thành công	6/5 (120%)	Vượt chỉ tiêu
- Số chính sách, đề án liên quan đến phụ nữ được Hội LHPN cấp tỉnh đề xuất thành công	105	Vượt chỉ tiêu ⁵

² Một số tỉnh không đạt: Lai Châu, Cao Bằng, Quảng Trị.

³ Hội LHPN tỉnh Khánh Hoà có 1 cơ sở Hội là đặc khu Trường Sa nên không thực hiện hoạt động giám sát.

⁴ Một số tỉnh không đạt: Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Tĩnh, Lâm Đồng, Đồng Nai, Đồng Tháp.

⁵ 100% đạt chỉ tiêu, trong đó có 26/34 tỉnh, thành đề xuất thành công trên 01 chính sách, đề án liên quan đến phụ nữ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN HAI KHÂU ĐỘT PHÁ VÀ PHONG TRÀO THI ĐUA

Stt	Nội dung	Kết quả
1	Khâu đột phá “Tập trung xây dựng cơ sở Hội ⁶ vững mạnh”	
	- Số cơ sở Hội có mô hình 1+1	12.780
	- Số cơ sở Hội có mô hình 3 có, 3 biết	13.251
	- Số Chi hội trưởng được kết nạp Đảng/ Số Chi hội trưởng được Hội LHPN cấp cơ sở giới thiệu phát triển Đảng	12.854/ 17.151
	- Số Chi hội trưởng được hỗ trợ phụ cấp hàng tháng/ Tổng số chi Hội trưởng	82.492/ 88.937 (92,75%)
2	Khâu đột phá “Đổi mới phương thức hoạt động Hội, trọng tâm là ứng dụng công nghệ thông tin”	
	- Số tài liệu truyền thông được truyền tải trên Trang thông tin điện tử, kênh truyền thông điện tử và các nền tảng mạng xã hội chính thức của Hội LHPN cấp tỉnh	341.594
	- Tổng số vụ việc liên quan đến phụ nữ phản ánh qua Cổng/Trang thông tin điện tử của Hội LHPN tỉnh, thành	1.122
	- Số Hội LHPN cấp cơ sở ứng dụng các phần mềm triển khai trong hệ thống Hội/ Tổng số Hội LHPN cấp cơ sở	3.320/3.320 (100%)
	- Số Hội LHPN cấp cơ sở chưa được trang bị máy tính riêng có kết nối mạng/ Tổng số Hội LHPN cấp cơ sở	66/3.320
	- Số Chi hội sử dụng mạng xã hội trong các hoạt động Hội/ Tổng số chi Hội	82.605/ 88.937 (92,9%)
3	Phong trào thi đua “Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam thời đại mới”	
	- Số lượt cán bộ, hội viên, phụ nữ được học tập, tuyên truyền, tập huấn về nội dung phong trào thi đua	40.497.988
	- Số hội viên, phụ nữ đạt danh hiệu “Phụ nữ tiêu biểu”	1.858.844
	- Số tập thể, cá nhân được khen thưởng trong thực hiện phong trào thi đua	162.502
	+ Số tập thể	44.027
	+ Số cá nhân	118.475
	- Số mô hình triển khai phong trào thi đua tại địa phương	42.430

⁶ Cơ sở Hội trong Khâu đột phá được hiểu là: Chi hội, Hội LHPN xã, phường, thị trấn và tương đương.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2022 - 2026

Nhiệm vụ 1: Hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện, xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh

Bảng 01. Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, hội nhập quốc tế

Stt	Nội dung	Kết quả
1	Số cuộc tuyên truyền, giáo dục chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết Đại hội phụ nữ các cấp; giáo dục chính trị, giáo dục truyền thống, giáo dục về giá trị gia đình, nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng/số lượt người tham gia	531.641/ 36.338.327
2	Số cuộc tuyên truyền nâng cao nhận thức về KHCN, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số được tổ chức/phối hợp tổ chức tại cấp cơ sở Hội	41.127
3	Số cuộc tập huấn/bồi dưỡng nâng cao năng lực số (tham gia chính phủ số, kinh tế số, xã hội số) được tổ chức/phối hợp tổ chức tại cơ sở Hội	16.598
4	Số lượt hội viên, phụ nữ đã tham gia các hoạt động nâng cao năng lực chuyển đổi số do Hội LHPN các cấp triển khai	5.185.575
5	Số cơ sở Hội có hoạt động tôn vinh, tuyên truyền nhân rộng điển hình	3.320
	- Số điển hình tập thể	63.910
	- Số điển hình cá nhân	143.788
6	Số phụ nữ được Hội vận động tham gia bảo hiểm y tế	5.533.106

Bảng 02. Xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh; xây dựng môi trường an toàn cho phụ nữ, trẻ em

Stt	Nội dung	Kết quả
1	Hoạt động hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh	
	- Số cuộc, sự kiện truyền thông về giáo dục đời sống gia đình, nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng/ Số lượt người tham gia	317.464/ 21.108.705

Stt	Nội dung	Kết quả
	- Số cuộc/hoạt động tập huấn, truyền thông về giáo dục trước hôn nhân cho nam nữ thanh niên/ Số lượt người tham gia	50.058/ 2.206.650
	- Số tài liệu/sản phẩm truyền thông về vun đắp giá trị gia đình được triển khai tuyên truyền đến hội viên, phụ nữ, cộng đồng	1.741.394
	- Số mô hình CLB hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc do Hội LHPN xây dựng, duy trì và nhân rộng	19.087
	+ Số mô hình Dịch vụ gia đình	1.600
	+ Số mô hình Giáo dục trước hôn nhân	875
	+ Số mô hình Giáo dục cha mẹ	3.396
	+ Số mô hình CLB xây dựng gia đình hạnh phúc	13.216
2	Bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của phụ nữ	
	- Số vụ vi phạm quyền, lợi ích của phụ nữ, trẻ em, Hội tham gia giải quyết	2.536
	- Số vụ được giải quyết (Hội lên tiếng trên báo chí, gửi văn bản đến cơ quan chức năng)	1.222
	- Số địa chỉ tin cậy ở cộng đồng	34.565
	- Số nạn nhân bị bạo lực gia đình được hỗ trợ từ địa chỉ tin cậy ở cộng đồng	1.345
	- Số lượt công dân được Hội tư vấn pháp luật	112.095
	- Số đơn thư Hội tư vấn, trả lời/ Tổng số đơn thư nhận được	3.174/4.238
	+ Cấp tỉnh	782
	+ Cấp xã	2.392
3	Chương trình “Mẹ đỡ đầu”	
	- Số Mẹ đỡ đầu trực tiếp ở tại địa bàn (Mẹ ở gần)	20.989
	- Số Mẹ đỡ đầu gián tiếp (Mẹ đỡ đầu từ xa)	14.320
	- Tổng số trẻ mồ côi trên địa bàn được nhận đỡ đầu	48.021
	- Tổng số tiền vận động được (bao gồm cả quà quy ra tiền)	657,3 tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kết quả
	+ Tổng số tiền mặt	481,26 tỷ đồng
	+ Giá trị quà quy đổi bằng tiền	176,04 tỷ đồng
	- Số Mẹ đỡ đầu/người chăm sóc thay thế được Hội tập huấn/kết nối đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng chăm sóc, nuôi dạy trẻ	7.890
4	Chương trình “Đồng hành cùng Phụ nữ biên cương”	
	- Tổng số tiền vận động được	294 tỷ đồng
	- Tổng số mô hình sinh kế được hỗ trợ củng cố/thành lập mới	1.022
5	Hoạt động nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa	
	- Số tiền huy động, vận động xây dựng Mái ấm tình thương trong kỳ báo cáo	656,47 tỷ đồng
	+ Số Mái ấm tình thương được xây dựng mới	11.479
	+ Số Mái ấm tình thương được sửa chữa	4.306
	- Tổng giá trị tiền, quà ủng hộ “Ngày vì người nghèo”	205,95 tỷ đồng
	- Tổng giá trị tiền ủng hộ đồng bào bị thiên tai, hoạn nạn, bão lũ...	498,79 tỷ đồng
	+ Số hộ bị ảnh hưởng thiên tai lũ lụt được Hội hỗ trợ	188.868
	- Tổng giá trị tiền, quà giúp gia đình chính sách (Mẹ VNAH, gia đình TBLS)	296,93 tỷ đồng
	+ Số Mẹ VNAH được hỗ trợ	2.369
	+ Số gia đình TBLS được hỗ trợ	122.872
	- Tổng giá trị tiền, quà Tiếp bước cho em đến trường/khuyến học tặng cho học sinh nghèo vượt khó	531,31 tỷ đồng
	+ Số học sinh được hỗ trợ, nhận quà tiếp bước/khuyến học	696.346
	- Tổng giá trị tiền, quà thực hiện các hoạt động khác	791,17 tỷ đồng
6	Số phụ nữ yếu thế (phụ nữ nghèo, phụ nữ khuyết tật, phụ nữ có HIV/AIDS, phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ cao tuổi) được Hội hỗ trợ	983.997
	- Trong đó, số phụ nữ khuyết tật	196.463

Stt	Nội dung	Kết quả
7	Công tác tuyên truyền vận động xây dựng gia đình có trách nhiệm thực hiện an toàn giao thông	
	- Số cuộc truyền thông, tập huấn được tổ chức/ Tổng số lượt người tham gia	119.014/ 5.880.153
8	Công tác tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm chất lượng, an toàn	
	- Số cuộc truyền thông, tập huấn được tổ chức/ Tổng số lượt người tham gia	126.881/ 5.334.707
	- Số cơ sở sản xuất do phụ nữ tham gia quản lý, được Hội hỗ trợ thành lập ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn	47.125
9	Công tác tuyên truyền, vận động bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu	
	- Số cuộc truyền thông, tập huấn được tổ chức/ Tổng số lượt người tham gia	142.631/ 12.402.470
	- Số cơ sở Hội có mô hình tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường	4.546
	+ Số hộ gia đình được Hội hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh	821.309
	+ Số hộ gia đình được Hội hỗ trợ sử dụng nước sạch	1.440.892
	- Số lượng cây xanh trồng mới	47.076.426

Bảng 03. Hỗ trợ nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ

Stt	Nội dung	Kết quả
1	Hỗ trợ tạo việc làm cho lao động nữ	
	- Số lao động nữ được Hội giới thiệu việc làm (trong kỳ báo cáo)	567.028
	- Số lao động nữ được tạo việc làm từ các hợp tác xã do Hội hỗ trợ thành lập mới (trong kỳ báo cáo)	31.787
	- Số tổ hợp tác có phụ nữ tham gia quản lý được Hội hỗ trợ thành lập mới (trong kỳ báo cáo)	3.486
	+ Số thành viên nữ	22.489

Stt	Nội dung	Kết quả
	+ Số lao động nữ	29.737
2	Hoạt động hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác	
	- Số hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý được Hội kết nối vay vốn từ các nguồn (Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã, ngân hàng...)	957
	- Tổng số vốn cho hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý vay do Hội hỗ trợ kết nối	181,15 tỷ đồng
	- Số hợp tác xã/Tổ hợp tác do phụ nữ tham gia quản lý được Hội hỗ trợ/kết nối nguồn lực, kỹ thuật, sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh	3.038
	- Số hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ nhóm sinh kế có phụ nữ DTTS quản lý thuộc địa bàn Dự án 8 được Hội hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất và kết nối thị trường	334
3	Hoạt động ủy thác cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác (phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội)	
	- Số cuộc tuyên truyền về tín dụng chính sách xã hội	140.637
	- Công tác tập huấn nghiệp vụ ủy thác NHCSXH	
	+ Tổng số cán bộ Hội cấp tỉnh phụ trách công tác ủy thác được tập huấn/ tổng số cán bộ phụ trách công tác ủy thác	224/260
	+ Số cán bộ Hội cấp xã được tập huấn	39.477
4	Hoạt động chương trình phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
	- Số cuộc tuyên truyền về tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn	25.389
	- Số cuộc tập huấn nghiệp vụ ủy thác Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.346
5	Hoạt động đào tạo nghề	
	- Tổng số lao động nữ được Hội phối hợp tổ chức hoặc giới thiệu tham gia các lớp đào tạo nghề	717.774

Nhiệm vụ 2: Tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị; chú trọng giám sát, phản biện xã hội; vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới

Bảng 04. Tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hành dân chủ cơ sở; thực hiện hiệu quả chức năng đại diện của tổ chức Hội; Vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới

Stt	Nội dung	Kết quả
1	Số cuộc tổ chức “Ngày Phụ nữ với Pháp luật” hưởng ứng Ngày pháp luật Việt Nam	67.382
2	Số cuộc tổ chức đối thoại chính sách, đối thoại với người đứng đầu cấp ủy, chính quyền do Hội tham mưu	9.422
	- <i>Cấp tỉnh</i>	173
	- <i>Cấp xã</i>	8.982
3	Số phụ nữ được tập huấn, trang bị kiến thức về bình đẳng giới	5.911.466
4	Số cán bộ nữ được bổ nhiệm lần đầu, nữ lần đầu tham gia đại biểu dân cử, cán bộ nữ trẻ được tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng	34.651
5	Số cán bộ nữ được bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và kỹ năng lòng ghép giới	85.859
6	Tổng số quần chúng nữ ưu tú được Hội phối hợp giới thiệu kết nạp Đảng (trong kỳ báo cáo)	94.799
	- <i>Số phụ nữ được kết nạp</i>	60.877
7	Hoạt động Dự án 8	
	- <i>Số Câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi” được thành lập</i>	2.026
	- <i>Số cán bộ nữ DTTS được tập huấn nâng cao năng lực</i>	4.164
	- <i>Số chính sách hỗ trợ phụ nữ, trẻ em vùng đồng bào DTTS và miền núi</i>	1
8	Vận động nguồn lực từ các chương trình, đề án và chương trình phối hợp	
	- <i>Tổng nguồn lực NSNN cấp từ các chương trình, đề án và chương trình phối hợp</i>	518,77 tỷ đồng
	- <i>Tổng nguồn lực vận động được từ xã hội hoá để triển khai hoạt động Hội</i>	216,46 tỷ đồng

Nhiệm vụ 3: Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả, hội nhập quốc tế

Bảng 05. Phát triển mạng lưới, thu hút hội viên, thành viên

Stt	Nội dung	Kết quả
1	Tổng số phụ nữ từ 18 tuổi trở lên có mặt tại địa bàn tại thời điểm báo cáo	23.434.889
2	Tổng số Hội viên	20.140.570
4	Tổng số Chi hội	88.937
	- Số Chi hội đặc thù trực thuộc cấp Hội cơ sở, tỉnh	1.921
5	Tổng số Tổ phụ nữ	117.887
	- Tổng số CLB, tổ, nhóm tập hợp hội viên/phụ nữ trên không gian mạng	32.232
6	Tổng số hội viên danh dự	58.475
7	Tổ chức thành viên	
	- Tổng số hội viên của Hội Nữ Trí thức	5.778
	+ Số hội viên phát triển mới	713
	- Tổng số hội viên của Hiệp hội Nữ Doanh nhân	9.671
	+ Số hội viên phát triển mới	838

Bảng 06. Nâng cao chất lượng cán bộ, kiện toàn bộ máy tổ chức Hội các cấp; nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành bộ máy cơ quan chuyên trách và hệ thống Hội

Stt	Nội dung	Kết quả
1	Số cán bộ các cấp đạt chuẩn chức danh/tổng số cán bộ	100%
2	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội, công tác xã hội	
	- Số lớp tập huấn, bồi dưỡng	6.639
	- Tổng số cán bộ được tập huấn, bồi dưỡng	115.674
	+ Số cán bộ chuyên trách các cấp	13.253
	+ Phó Chủ tịch Hội LHPN cơ sở	12.985
	+ Chi hội trưởng	88.937
3	Điều động, luân chuyển cán bộ Hội chuyên trách các cấp	
	- Tổng số cán bộ Hội được điều động, luân chuyển đi	2.123

Stt	Nội dung	Kết quả
	- Tổng số cán bộ được điều động, luân chuyển đến Hội	1.444
4	Công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và thi hành kỷ luật trong nội bộ tổ chức Hội	
4.1	Công tác kiểm tra	
	- Tổng số đoàn kiểm tra	40.370
	+ Tổng số đoàn kiểm tra thường xuyên	27.634
	Cấp tỉnh	1.120
	Cấp xã	26.514
	+ Tổng số đoàn kiểm tra chuyên đề	12.482
	Cấp tỉnh	586
	Cấp xã	11.896
	+ Tổng số đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm	254
	Cấp tỉnh	18
	Cấp xã	236
	- Tổng số chi được kiểm tra	70.957
4.2	Công tác khiếu nại, tố cáo	
	- Tổng số đơn thư nhận được	3.545
	- Số đơn thư Hội trực tiếp giải quyết	831
	- Số đơn thư chuyển cơ quan chức năng	2.382
	- Số đơn thư xếp lưu theo quy định	332
4.3	Số cán bộ Hội bị kỷ luật	76
	- Hình thức khiển trách	45
	- Hình thức cảnh cáo	13
	- Hình thức cách chức	18
4.4	Số tổ chức Hội bị kỷ luật	0

Bảng 07. Nâng cao vị thế, mở rộng ảnh hưởng của tổ chức Hội trong quan hệ đối ngoại

Stt	Nội dung	Kết quả
1	Số văn bản, thỏa thuận hợp tác với đối tác nước ngoài được kí kết (gồm thỏa thuận về hợp tác, hữu nghị, thực hiện dự án...)	108

	+ Số văn bản thỏa thuận hợp tác với các tổ chức phụ nữ được kí kết	86
	+ Số hoạt động trao đổi đoàn, giao lưu, hợp tác với các tổ chức phụ nữ thuộc 3 nước láng giềng	124
	+ Số đơn vị kết nghĩa với các tổ chức phụ nữ nước ngoài	139
	Cấp tỉnh	17
	Cấp xã	122
2	Kết quả thực hiện Nghị quyết về Hỗ trợ Phụ nữ hội nhập quốc tế đến năm 2030	
	- Số văn bản, chương trình, kế hoạch triển khai, cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết	517
	- Số hoạt động/mô hình hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế (không trùng với các mô hình của các nhiệm vụ khác)	252
3	Tuyên truyền và tập huấn về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế	
	- Số cuộc tập huấn	99.686
	- Số lượt người được tập huấn	1.597.562
4	Số phụ nữ được bảo vệ quyền, lợi ích trong quan hệ có yếu tố nước ngoài	2.180

IV. THÀNH TÍCH CỦA CÁN BỘ, HỘI VIÊN, PHỤ NỮ VIỆT NAM ĐƯỢC KHEN THƯỞNG THÔNG QUA ĐỀ XUẤT CỦA TỔ CHỨC HỘI

Bảng 08. Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể, cá nhân Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2022 - 2026

Stt	Nội dung	Tập thể	Cá nhân
1	Huân chương Độc lập các hạng	3	4
2	Huân chương Lao động các hạng	10	69
3	Huân chương Bảo vệ Tổ quốc	1	
4	Huân chương Quân công các hạng		
5	Huân chương Chiến công các hạng		
6	Huân chương Dũng cảm		
7	Cờ thi đua Chính phủ	4	
8	Bằng khen Thủ tướng Chính phủ	6	4
9	Chiến sĩ thi đua toàn quốc		

Bảng 09. Khen thưởng của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cho tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong thực hiện Phong trào thi đua giai đoạn 2022 - 2026

Stt	Nội dung	Tập thể	Cá nhân
1	Cờ thi đua của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam	99	
2	Bằng khen của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam	7.464	4.886
	- Định kỳ hằng năm	6.954	3.611
	- Chuyên đề, đột xuất	510	1.275
3	Kỷ niệm chương “Vì sự phát triển của phụ nữ Việt Nam”		19.076
4	Giải thưởng Nguyễn Thị Định		30
5	Giải thưởng Kovalevskaia	1	7
6	Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam	14	42

Bảng 10. Kết quả thi đua của tập thể, cán bộ, hội viên, phụ nữ thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp

Stt	Thành tích	Số lượng được khen thưởng					
		Tập thể Hội LHPN			Cán bộ Hội	Hội viên	Phụ nữ
		Cấp tỉnh	Cấp huyện ⁷	Cấp xã			
1	Cờ Thi đua của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam	91					
2	Bằng khen của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam	318	750	4.412	1.963	1.191	71
3	Cờ thi đua của UBND tỉnh, thành phố	40	39	2			
4	Bằng khen của UBND tỉnh, thành phố	608	656	1.091	1.941	605	147
5	Bằng khen/Giấy khen của các sở, ban ngành	242	467	1.145	1.572	793	26
6	Giấy khen của UBND cấp huyện		2.208	5.081			
7	Giấy khen của UBND cấp xã			11.062	15.744	17.779	1.944
8	Bằng khen của Hội LHPN cấp tỉnh		1.986	8.155	11.425	4.491	1.241
9	Giấy khen của Hội LHPN cấp huyện			16.229		11.280	1.865
10	Giấy khen của Hội LHPN cấp xã				15.152	19.140	4.759
11	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh				258	20	4
12	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở				2.814	224	12
13	Danh hiệu, giải thưởng khác	64	48	94	2.492	1.153	179

⁷ Số liệu khen thưởng đối với cấp huyện được tính đến ngày 30/6/2025.



TH

L'ORÉAL

PNJ

Vietcombank

BIDV

BRG
GROUP

VNPT

AOT

